

D76



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 28-05-2026
15:03:26 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Ban hành Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường
của Quân đội nhân dân Việt Nam

Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

2. Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học quân sự tại Tờ trình số 152/TTr-KHQs ngày 15 tháng 01 năm 2022;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư ban hành Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam¹.

¹ 1. Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng và Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP;

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Điều lệ công tác Bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam”.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2022, thay thế Thông tư số 133/2015/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Điều lệ công tác Bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu của Quân đội nhân dân Việt Nam².

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học quân sự tại Tờ trình số 814/TTr-KHQSQ ngày 24 tháng 5 năm 2025;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.”

2. Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học quân sự;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025.”

² 1. Điều 4 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.”

Điều 3. Cục trưởng Cục Khoa học quân sự, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./

BỘ QUỐC PHÒNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**Số: **49** /VBHN-BQPHà Nội, ngày **17** tháng **5** năm 2026**Nơi nhận:**

- Các Đ/c Lãnh đạo Bộ Quốc phòng (08b);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP (64b);
- Cục Khoa học quân sự/BQP;
- Cục KTVB và QLXLVPHC/BTP;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, THBD. LQD77.

BỘ TRƯỞNG**Đại tướng Phan Văn Giang**

2. Điều 11 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.
2. Cục trưởng Cục Khoa học quân sự, Chỉ huy các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”



BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam
(Kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Điều lệ này quy định về nguyên tắc, nội dung, biện pháp, nguồn lực, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị Quân đội thực hiện công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Những hoạt động bảo vệ môi trường chưa được quy định trong Điều lệ này thì áp dụng theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều lệ này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của Quân đội nhân dân Việt Nam (sau đây viết gọn là Quân đội).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động bảo vệ môi trường của Quân đội* là các hoạt động nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện và phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; khai thác, sử dụng hợp lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và các thành phần môi trường phục vụ cho các nhiệm vụ của Quân đội; thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Nhà nước và các địa phương theo quy định của pháp luật.

2. *Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của Quân đội* là các hoạt động nhằm thích ứng, ngăn ngừa, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với tính mạng, sức khỏe bộ đội, tài sản, vũ khí, trang bị kỹ thuật, công trình, các hoạt động quân sự, quốc phòng; giảm thiểu biến đổi khí hậu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Quân đội; thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu của Nhà nước và địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Vị trí công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong các mặt công tác của Quân đội; đặt dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, sự quản lý, chỉ huy, chỉ đạo thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; từ cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng đến cấp cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự

quản lý, chỉ huy, chỉ đạo của người chỉ huy cùng cấp; là nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; đồng thời là trách nhiệm thực hiện của mọi sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan - binh sĩ (sau đây gọi là quân nhân), công chức, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng trong toàn quân.

Điều 5. Nội dung công tác bảo vệ môi trường

1. Xây dựng, hoàn thiện, tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường trong Quân đội; thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về môi trường liên quan đến các cơ quan, đơn vị Quân đội.

2. Tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường cho quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng.

3. Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, chương trình, dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

4. Xây dựng và quản lý các công trình bảo vệ môi trường; đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.

5. Xây dựng tiềm lực để giải quyết các vấn đề môi trường trong Quân đội và tham gia vào sự nghiệp bảo vệ môi trường của đất nước.

6. Thực hiện công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường.

7. Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, quan trắc, giám sát môi trường; bảo vệ môi trường đất, nước, không khí, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, rừng, hệ sinh thái, đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên.

8. Điều tra, đánh giá, thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, môi trường phục vụ cho các hoạt động quân sự, quốc phòng; quản lý thông tin, dữ liệu về môi trường trong Quân đội.

9. Xử lý, cải thiện các điều kiện môi trường tại các khu vực quân sự, quốc phòng và các khu vực có liên quan nhằm nâng cao sức khoẻ bộ đội, giảm thiểu tác động bất lợi của các yếu tố môi trường đến chất lượng, độ bền, tính năng kỹ-chiến thuật của vũ khí, trang bị kỹ thuật và công trình quân sự.

10. Khắc phục hậu quả bom mìn, chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh; quản lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường tại các đơn vị Quân đội.

11. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường; hợp tác trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường.

12. Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của quốc gia, của địa phương nơi đóng quân và những khu vực được cấp có thẩm quyền giao như: Ứng phó sự cố môi trường; xử lý ô nhiễm môi trường, quan trắc môi trường; kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới; tuyên truyền bảo vệ môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung công tác ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các ngành, lĩnh vực quân sự, quốc phòng; tổ chức rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn của các ngành, lĩnh vực quân sự, quốc phòng nhằm thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức về thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng.

3. Xác định sự biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các khu vực hoạt động quân sự, quốc phòng và công trình quân sự thuộc quyền quản lý; đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với: Các khu vực đóng quân, công tác huấn luyện, diễn tập, hoạt động tác chiến, công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, sản xuất quốc phòng, công tác bảo đảm quân y, công tác tìm kiếm, cứu hộ-cứu nạn; công trình quốc phòng, trung tâm huấn luyện, trường bắn, kho quân sự, công trình giao thông vận tải quân sự, sức khỏe bộ đội và các yếu tố khác thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

4. Xác định và triển khai thực hiện các giải pháp khả thi trong việc thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với công trình và hoạt động quân sự.

5. Lồng ghép, tích hợp các vấn đề về biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển của các ngành, lĩnh vực quân sự, quốc phòng bảo đảm phòng ngừa, hạn chế và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

6. Ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong quản lý, đánh giá, giám sát, dự báo tác động và ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực quân sự, quốc phòng; ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thay đổi các nguyên vật liệu, năng lượng mới sử dụng trong quân sự để ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giảm phát thải khí nhà kính.

7. Nghiên cứu phát triển nghệ thuật tác chiến thích ứng với biến đổi khí hậu; thiết kế, chế tạo, quản lý, sử dụng vũ khí, khí tài phù hợp với điều kiện bất lợi của biến đổi khí hậu.

8. Tổ chức lực lượng Quân đội ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xây dựng cơ chế sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị quân sự, bảo đảm năng lực về tổ chức, chỉ huy, điều hành và trang thiết bị cho lực lượng Quân đội ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

9. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong các hoạt động quân sự, quốc phòng; thực hiện các nhiệm vụ của quốc gia, địa phương nơi đóng quân và các khu vực khác khi được cấp có thẩm quyền giao về ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhà nước, Nhân dân, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

Điều 7. Nguyên tắc tiến hành các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý, có sự phân công, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Kết hợp chặt chẽ, hài hoà các hoạt động quân sự, quốc phòng với hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên, lấy dự báo, phòng ngừa, ngăn chặn là chính, là nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, ứng phó sự cố môi trường và cải thiện chất lượng môi trường; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải, thu hồi năng lượng.

5. Hoạt động ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng là nhiệm vụ thường xuyên, được lồng ghép trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của các cấp, ngành, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị.

6. Các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phải được tổ chức, chỉ huy, quản lý thống nhất và hiệp đồng chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Quân đội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp.

7. Đảm bảo kịp thời, chính xác, triệt để, có hiệu quả cao, hạn chế đến mức thấp nhất tiêu hao sức người, kinh phí và phương tiện trong thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

8. Đảm bảo yêu cầu bí mật về quân sự, quốc phòng trong quá trình thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Tổ chức, cá nhân trong Quân đội gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại, chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị các cấp trong Quân đội chịu trách nhiệm trước cấp ủy, chỉ huy cấp trên về quản lý, chỉ huy, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp mình.

3. Phòng Khoa học quân sự hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, trợ lý chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy cấp mình tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 9. Chính sách của Bộ Quốc phòng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Gắn kết các hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với các hoạt động xây dựng và củng cố quốc phòng.

2. Ưu tiên giải quyết những vấn đề môi trường cấp bách tại các điểm nóng và các khu vực bị ô nhiễm chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh; phòng ngừa, giảm thiểu những tác động đối với tài nguyên, môi trường trong quá trình hoạt động quân sự, quốc phòng; phục hồi, cải tạo các thành phần môi trường phục vụ cho các hoạt động quân sự, quốc phòng.

3. Áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, các thành phần môi trường phục vụ hoạt động quân sự, quốc phòng; sử dụng công nghệ sạch, ứng dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nguyên liệu; sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; tái sử dụng chất thải trong hoạt động quân sự, quốc phòng.

4. Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong Quân đội tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

5. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước huy động các nguồn lực đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Quân đội.

Điều 10. Quản lý tài liệu về bảo vệ môi trường

1. Những tài liệu về bảo vệ môi trường sau đây thuộc diện tài liệu mật:

a) Tài liệu đánh giá môi trường chiến lược của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng;

b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại của các dự án đầu tư trong Quân đội thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng³;

c) Kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc đơn giản, tài liệu về hệ thống quản lý môi trường, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của các dự án, cơ sở trong Quân đội thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng⁴ được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận;

³ Cụm từ “có yêu cầu bí mật” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

⁴ Cụm từ “có yêu cầu bí mật” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung

d) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trong Quân đội thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng⁵; báo cáo môi trường của các cơ quan, đơn vị trong Quân đội thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng⁶.

2. Các tài liệu khác về bảo vệ môi trường được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo mật, lưu trữ.

Chương II **HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Mục 1 **TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC** **VÀ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

1. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng.

2. Cơ quan chính trị chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý môi trường tham mưu, giúp cấp ủy, chỉ huy cấp mình về nội dung, biện pháp tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Nội dung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

1. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng và của đơn vị về bảo vệ môi trường.

một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

⁵ Cụm từ “có yêu cầu bí mật” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

⁶ Cụm từ “có yêu cầu bí mật” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

2. Hiện trạng môi trường và xu thế diễn biến chất lượng môi trường thế giới, khu vực, trong nước và các khu vực do Quân đội quản lý.

3. Những ảnh hưởng xấu của ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường đối với sức khoẻ bộ đội, độ bền của vũ khí trang bị kỹ thuật và các hoạt động quân sự, quốc phòng. Những tác động của hoạt động quân sự, quốc phòng đối với tài nguyên, môi trường và biện pháp giảm thiểu, khắc phục.

4. Những mô hình tiêu biểu về bảo vệ môi trường của đơn vị; gương người tốt, việc tốt trong hoạt động bảo vệ môi trường; cảnh báo, phê phán những hành vi gây tác động xấu đối với tài nguyên và môi trường.

5. Tiến bộ khoa học, công nghệ và giải pháp xử lý môi trường, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

6. Các chương trình, phong trào của Nhà nước, bộ, ngành, địa phương về bảo vệ môi trường.

Điều 13. Hình thức, biện pháp, yêu cầu thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

1. Sử dụng các hình thức, biện pháp nói chuyện chuyên đề, thi tìm hiểu, sân khấu hóa, viết bài, làm phim tài liệu, phóng sự, các hình thức khác để thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng.

2. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường phải bảo đảm yêu cầu thường xuyên, liên tục; nội dung đa dạng, phong phú; thông tin ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, thể hiện được các yêu cầu bảo vệ môi trường, phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị; bảo đảm yêu cầu bí mật, an toàn thông tin theo quy định.

Mục 2

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

Điều 14. Đối tượng phải đánh giá môi trường chiến lược

Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược bao gồm các chiến lược, quy hoạch trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng thuộc đối tượng quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường và danh mục quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 15. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch quy định tại Điều 14 của Điều lệ này có trách nhiệm:

a) Lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch. Đối với các báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc

phòng⁷ chỉ được sử dụng tư vấn là các cơ quan, đơn vị trong Quân đội; trường hợp không có yêu cầu bí mật, có thể sử dụng tư vấn ngoài Quân đội;

b) Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch đó. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược được tích hợp trong hồ sơ trình phê duyệt chiến lược. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch được lập thành báo cáo riêng kèm theo hồ sơ trình thẩm định quy hoạch;

c) Gửi kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch đến cơ quan chủ trì thẩm định quy hoạch để thẩm định; trình báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược lên cơ quan phê duyệt chiến lược để xem xét trong quá trình phê duyệt.

2.⁸ Nội dung đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, đơn vị tư vấn khi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

4. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt chiến lược, quy hoạch.

Điều 16. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thẩm định quy hoạch có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình thẩm định quy hoạch.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chiến lược có trách nhiệm tổ chức xem xét báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược trong quá trình phê duyệt chiến lược.

3.⁹ Hồ sơ đề nghị thẩm định, xem xét báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

⁷ Cụm từ “có yêu cầu bí mật về quân sự, quốc phòng” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 17. Thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường

1. Đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường là dự án đầu tư trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cơ quan, đơn vị đề xuất dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

3. Thời điểm đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

4. Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường được quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 18. Xem xét nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường

Cơ quan được giao tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý môi trường cùng cấp xem xét nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường của dự án trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 19. Đối tượng phải đánh giá tác động môi trường¹⁰

Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường là các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng và các dự án do cơ quan, đơn vị trong Quân đội thực hiện thuộc Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và được quy định chi tiết tại Phụ lục III và Phụ lục IV Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Điều 20. Thực hiện đánh giá tác động môi trường¹¹

1. Chủ dự án đầu tư quy định tại Điều 19 Điều lệ này có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu được sử dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Thực hiện đánh giá tác động môi trường đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc quá trình xây dựng tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư của dự án. Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện bằng báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Mẫu số 04 Phụ lục Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

c) Trường hợp dự án có phân kỳ đầu tư hoặc phân chia thành các dự án thành phần, Chủ dự án đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 27a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

d) Xác định độ mật của dự án theo quy định tại Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng để thực hiện việc tham vấn theo quy định tại điểm đ khoản này; thực hiện việc lập, gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đến cơ quan thẩm định theo phân cấp được quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này;

đ) Thực hiện việc tham vấn đối với dự án không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng; trình tự, thủ tục tham vấn thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, không thực hiện nội dung tham vấn trong quá trình đánh giá tác động môi trường;

e) Lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi đối với dự án có xả nước thải vào công trình thủy lợi trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của Chính phủ. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

thủy lợi có ý kiến không đồng thuận, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm giải trình, đề xuất phương án thay thế để đạt được sự đồng thuận trước khi trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

g) Nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thông báo của cơ quan thẩm định. Thời điểm nộp phí thẩm định trước khi diễn ra phiên họp hội đồng thẩm định đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 21 Điều lệ này; trước khi cơ quan thẩm định trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với những dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 21 Điều lệ này;

h) Cử đại diện Chủ dự án đầu tư phối hợp tổ chức khảo sát khu vực thực hiện dự án theo yêu cầu của cơ quan thẩm định đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 6 Điều 21 của Điều lệ này; tham dự và trình bày báo cáo tại phiên họp hội đồng thẩm định đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 21 Điều lệ này;

i) Chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, gửi hồ sơ hoàn thiện đến cơ quan thẩm định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định; quá thời hạn trên, chủ dự án đầu tư phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và đề nghị thẩm định theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này;

k) Tiếp tục tổ chức thực hiện việc đánh giá tác động môi trường và trình thẩm định theo quy định của Điều lệ này nếu có thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ sản xuất theo quy định tại khoản 2, khoản 12 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Trường hợp dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, việc thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này. Trường hợp dự án đầu tư không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, việc thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 13a, 13b, 13c và Điều 13d Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Mỗi dự án đầu tư lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 21. Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng¹²

1. Phân cấp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

¹² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

a) Cục Khoa học quân sự thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các dự án đầu tư trong Quân đội thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, trừ các dự án được Bộ Quốc phòng phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền quyết định đầu tư cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng được Bộ Quốc phòng phân cấp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền quyết định đầu tư. Phòng Khoa học quân sự hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý môi trường có trách nhiệm tham mưu, tổ chức thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường;

c) Các dự án đầu tư trong Quân đội không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng do cơ quan nhà nước tổ chức thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

2. Phân cấp phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kết quả thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án do Cục Khoa học quân sự thẩm định;

b) Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng Tổng cục II, Chủ nhiệm các tổng cục, Tư lệnh quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa, Tư lệnh 86, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội phê duyệt kết quả thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án được Bộ Quốc phòng phân cấp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền quyết định đầu tư. Phòng Khoa học quân sự hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý môi trường có trách nhiệm tham mưu trình phê duyệt kết quả thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

c) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm:

a) Công văn của chủ dự án đầu tư đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công văn thực hiện theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này;

b) Công văn đề nghị thẩm định của cơ quan, đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng (trường hợp chủ dự án đầu tư không phải là cơ quan, đơn vị cấp trực thuộc

Bộ Quốc phòng), áp dụng đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Khoa học quân sự. Công văn thực hiện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này;

c) Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (07 bản);

d) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

4. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tổ chức các hoạt động:

a) Rà soát sự phù hợp của dự án với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Thành lập và tổ chức hội đồng thẩm định áp dụng đối với các dự án được tổ chức theo hình thức hội đồng;

c) Phê duyệt danh sách và tổ chức lấy ý kiến chuyên gia thẩm định áp dụng đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật đầu tư công;

d) Tổ chức khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án áp dụng với các trường hợp dự án thuộc đối tượng phải khảo sát thực tế trong quá trình tổ chức hội đồng thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường;

đ) Thông báo kết quả thẩm định bằng văn bản đến chủ dự án đầu tư theo đúng thời hạn quy định tại khoản 10 Điều này.

5. Nội dung thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13a Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

6. Tổ chức khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án thực hiện như sau:

a) Cơ quan thẩm định hoặc cơ quan được giao tổ chức thẩm định cử cán bộ khảo sát thực tế khu vực dự kiến thực hiện dự án, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này. Việc khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án phải được lập thành biên bản thực hiện theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này;

b) Trường hợp có được thông tin bằng văn bản về hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư từ Ban quản lý khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự án đầu tư trong cụm công nghiệp nơi thực hiện dự án, cơ quan thẩm định không tổ chức việc khảo sát thực tế;

c) Các dự án không tổ chức khảo sát thực tế, gồm: Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công; dự án khai thác dầu thô, khí đốt tự nhiên ngoài khơi; dự án xây dựng hạ tầng viễn thông hoặc tuyến đường dây tải điện; dự án thực hiện tại khu vực đang xảy ra dịch bệnh, thiên tai, hiện tượng thời tiết bất thường trong thời gian thẩm định; dự án khác do cơ quan thẩm định hoặc cơ quan được giao tổ chức thẩm định xem xét, quyết định.

7. Hình thức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Tổ chức lấy ý kiến chuyên gia thẩm định đối với trường hợp dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Tổ chức hội đồng thẩm định đối với các dự án trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

8. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức hội đồng

a) Cơ quan thẩm định quyết định thành lập hội đồng thực hiện theo các Mẫu số 03, 04 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này; gửi quyết định thành lập hội đồng kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đến từng thành viên hội đồng. Hội đồng có chủ tịch, phó chủ tịch (nếu có), ủy viên thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Chủ tịch, phó chủ tịch (nếu có) và ủy viên thư ký phải là cán bộ của cơ quan thẩm định hoặc cán bộ của cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan thẩm định. Chủ tịch hội đồng (hoặc phó chủ tịch hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt), ủy viên thư ký có trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng;

b) Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho thủ trưởng cơ quan thẩm định; chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định;

c) Chuyên gia là thành viên hội đồng phải có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến dự án đầu tư. Người tham gia thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư không được tham gia hội đồng của dự án đó;

d) Đại biểu tham gia phiên họp của hội đồng thẩm định do cơ quan thẩm định quyết định trong trường hợp cần thiết. Đại biểu tham gia được phát biểu ý kiến trong các phiên họp của hội đồng, chịu sự điều hành của người chủ trì phiên họp, được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

đ) Phiên họp chính thức của hội đồng chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện sau đây: Có sự tham gia tại phiên họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) từ 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên hội đồng trở lên, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền, ủy viên thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện; có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án đầu tư; đã nộp phí thẩm định hoặc có văn bản của chủ dự án đầu tư cam kết nộp phí gửi cơ quan thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này;

e) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên hội đồng, giữa hội đồng với chủ dự án đầu tư theo hình thức tổ chức phiên họp chính thức và các phiên họp chuyên đề do chủ tịch hội đồng quyết định trong trường hợp cần thiết. Thành viên hội đồng là đại diện cơ quan, tổ chức phải có văn bản cử người của cơ quan, tổ chức đó;

g) Thành viên hội đồng tham gia phiên họp chính thức của hội đồng có trách nhiệm viết bản nhận xét, phiếu thẩm định thực hiện theo các Mẫu số 07, 09

quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này và gửi cho ủy viên thư ký tại phiên họp. Thành viên hội đồng vắng mặt được gửi bản nhận xét trước phiên họp chính thức của hội đồng và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức của hội đồng nhưng không viết phiếu thẩm định. Thành viên hội đồng là đại diện cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nhận xét, đánh giá nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư liên quan đến phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức đó;

h) Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường; được nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường ít nhất 03 ngày trước phiên họp của hội đồng thẩm định; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

i) Kết quả thẩm định của hội đồng được quy định như sau: Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung đối với trường hợp tất cả thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp có phiếu thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua đối với trường hợp có trên 1/3 (một phần ba) số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định không thông qua; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung khi không thuộc hai trường hợp trên.

9. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia

a) Cơ quan thẩm định quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến thẩm định gồm ít nhất 03 chuyên gia thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này. Chuyên gia phải có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến dự án đầu tư. Người tham gia thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư không được đưa vào danh sách chuyên gia lấy ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đó;

b) Chuyên gia có trách nhiệm viết bản nhận xét thực hiện theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này và gửi cơ quan thẩm định trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường. Bản nhận xét phải nêu rõ 01 trong 03 mức độ: Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua. Chuyên gia chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

c) Việc thẩm định theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia phải đáp ứng điều kiện có từ 2/3 (hai phần ba) số lượng chuyên gia trở lên có bản nhận xét gửi cơ quan thẩm định theo quy định tại điểm b khoản này. Kết quả thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến chuyên gia được quy định như sau: Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung đối với trường hợp tất cả các chuyên gia có ý kiến thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua đối với trường hợp có trên 1/3 (một phần ba) số chuyên gia có ý kiến không thông qua; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung khi không thuộc hai trường hợp trên.

10. Thời hạn tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và được quy định như sau:

a) Không quá 30 ngày đối với dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

b) Không quá 20 ngày đối với dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và điểm e khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

c) Không quá 10 ngày đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật đầu tư công;

11. Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Cơ quan thẩm định xem xét kết quả thẩm định của hội đồng hoặc ý kiến chuyên gia để làm căn cứ thông báo kết quả thẩm định, trừ trường hợp hội đồng hoặc tất cả các chuyên gia theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường không cần chỉnh sửa, bổ sung. Công văn thông báo thực hiện theo Mẫu số 10, 11 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này.

Trong thời hạn tổ chức thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án đầu tư về kết quả thẩm định.

12. Chủ dự án đầu tư hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Công văn của chủ dự án đầu tư giải trình nội dung chỉnh sửa, hoàn chỉnh và đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này;

b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được chỉnh sửa, hoàn chỉnh, kèm theo file scan nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

13. Hồ sơ trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm:

a) Báo cáo kết quả thẩm định đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan thẩm định thực hiện theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này;

b) Công văn của chủ dự án đầu tư đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Công văn của chủ dự án đầu tư giải trình nội dung chỉnh sửa, hoàn chỉnh và đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều này;

d) Biên bản hội đồng thẩm định trong trường hợp tổ chức hội đồng thực hiện theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này; các ý kiến của chuyên gia trong trường hợp lấy ý kiến chuyên gia;

đ) Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục I kèm theo Điều lệ này.

14. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tổ chức phiên họp hội đồng hoặc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan thẩm định có trách nhiệm trình phê duyệt kết quả thẩm định trong trường hợp thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ quan thẩm định có trách nhiệm xem xét, trình phê duyệt kết quả thẩm định; trường hợp không trình phê duyệt phải thông báo bằng văn bản cho chủ dự án đầu tư và nêu rõ lý do.

15. Việc gửi, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; thông báo và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện thông qua một trong các hình thức gửi trực tiếp tại văn thư, quân bưu hoặc đường truyền dữ liệu quân sự theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Gửi văn bản về kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đến cơ quan đã tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

4. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với dự án khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường;

b) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường để được xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trong trường hợp thay đổi công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý vào nguồn nước nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Tự đánh giá tác động đến môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thay đổi khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này; tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (nếu có).

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
2. Quản lý hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Bộ Quốc phòng.
3. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Mục 5

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

Điều 24. Đối tượng phải có giấy phép môi trường¹³

1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường là dự án đầu tư trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, các dự án do các cơ quan, đơn vị trong Quân đội thực hiện, cơ sở quốc phòng (sau đây gọi tắt là dự án, cơ sở quốc phòng) có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý trước khi đi vào vận hành chính thức, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15, Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị, chủ dự án đầu tư, cơ sở quốc phòng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 25 Điều lệ này. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 18a Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT;

b) Xây dựng, vận hành thử nghiệm, vận hành công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

c) Nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo thông báo của cơ quan thẩm định. Thời điểm nộp phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện;

d) Chính sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, gửi hồ sơ hoàn thiện đến cơ quan thẩm định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định; quá thời hạn trên, chủ dự án đầu tư phải thực hiện việc lập, đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này;

đ) Tuân thủ các quy định trong giấy phép môi trường.

3. Chủ dự án đầu tư xác định độ mật của dự án theo quy định tại Quyết định số 35/QĐ-TTg để thực hiện việc lập, trình thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, việc thẩm định, cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ này. Dự án đầu tư không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, việc thẩm định, cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 18b, 18c Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

Điều 25. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng¹⁴

1. Cục Khoa học quân sự cấp giấy phép môi trường đối với:

a) Dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

b) Dự án, cơ sở quốc phòng thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng trong Quân đội trừ các dự án được Bộ Quốc phòng phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền quyết định đầu tư cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội cấp giấy phép môi trường dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng được Bộ Quốc phòng phân cấp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền quyết định đầu tư và cơ sở quốc phòng thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng thuộc quyền quản lý của mình. Phòng Khoa học quân sự hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý môi trường có trách nhiệm tham mưu, thẩm định, trình cấp giấy phép môi trường.

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

3. Dự án, cơ sở không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng do cơ quan nhà nước cấp giấy phép môi trường theo quy định tại các khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

Điều 26. Nội dung, căn cứ, thời điểm, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng¹⁵

1. Nội dung, căn cứ, thời điểm cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 40 và Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

a) Công văn của chủ dự án đầu tư đề nghị cấp giấy phép môi trường. Công văn thực hiện theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này;

b) Công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng (trường hợp chủ dự án đầu tư, cơ sở quốc phòng không phải là cơ quan, đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng), áp dụng đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Cục Khoa học quân sự. Công văn thực hiện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này;

c) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (07 bản);

d) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng, trừ trường hợp dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

a) Chủ dự án đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường tự quyết định thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

b) Chủ dự án đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động; dự án có phân kỳ đầu tư đang hoạt động) thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau khi đã hoàn thành toàn bộ dự án hoặc phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và các công trình bảo vệ môi trường kèm theo;

¹⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

c) Trường hợp dự án thuộc loại hình dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công, chủ dự án đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau khi đã hoàn thành công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải, các công trình bảo vệ môi trường;

d) Chủ cơ sở có trách nhiệm nộp hồ sơ để được cấp giấy phép môi trường ngay sau khi giấy phép môi trường của cơ sở hết hạn.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường tổ chức các hoạt động:

a) Rà soát tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

b) Thành lập và tổ chức hội đồng thẩm định áp dụng đối với các dự án, cơ sở được tổ chức theo hình thức hội đồng;

c) Thành lập và tổ chức đoàn kiểm tra áp dụng đối với các dự án, cơ sở được tổ chức theo hình thức đoàn kiểm tra;

d) Phê duyệt danh sách và tổ chức lấy ý kiến chuyên gia thẩm định đối với dự án đầu tư công đặc biệt;

đ) Thông báo kết quả thẩm định bằng văn bản đến chủ dự án đầu tư theo đúng thời hạn quy định tại khoản 9 Điều này.

5. Hình thức thẩm định cấp giấy phép môi trường.

a) Tổ chức lấy ý kiến chuyên gia thẩm định đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định;

c) Tổ chức hội đồng thẩm định, không tổ chức kiểm tra thực tế đối với dự án trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

6. Thẩm định cấp giấy phép môi trường theo hình thức hội đồng, đoàn kiểm tra

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường quyết định thành lập hội đồng có ít nhất 05 thành viên, đoàn kiểm tra có ít nhất 03 thành viên; gửi quyết định thành lập hội đồng, đoàn kiểm tra kèm theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đến từng thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra. Hội đồng có chủ tịch, phó chủ tịch (trong trường hợp cần thiết), thành viên thư ký và các thành viên khác; đoàn kiểm tra có trưởng đoàn kiểm tra, phó trưởng đoàn kiểm tra (trong trường hợp cần thiết), thành viên thư ký và các thành viên khác. Chủ tịch hội đồng, trưởng đoàn kiểm tra phải là cán bộ của cơ quan cấp giấy phép hoặc cán bộ của cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan cấp giấy phép môi trường. Quyết định thành lập hội đồng, đoàn kiểm tra thực hiện theo Mẫu số 03, 04 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này;

b) Hội đồng, đoàn kiểm tra có trách nhiệm tư vấn cho thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép môi trường; chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp giấy phép môi trường và trước pháp luật về kết quả thẩm định;

c) Chuyên gia là thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra phải có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến dự án đầu tư, cơ sở. Người tham gia thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở không được tham gia hội đồng, đoàn kiểm tra của dự án đầu tư, cơ sở đó;

d) Đại biểu tham gia phiên họp của hội đồng, đoàn kiểm tra do cơ quan thẩm định quyết định trong trường hợp cần thiết. Đại biểu tham gia được phát biểu ý kiến trong các phiên họp của hội đồng, đoàn kiểm tra, chịu sự điều hành của người chủ trì phiên họp, được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

đ) Phiên họp chính thức của hội đồng, đoàn kiểm tra chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện sau đây: Có sự tham gia tại phiên họp (trực tiếp hoặc trực tuyến đối với hội đồng; trực tiếp đối với đoàn kiểm tra) từ 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên trở lên, trong đó phải có chủ tịch hội đồng, trưởng đoàn kiểm tra (hoặc phó chủ tịch hội đồng, phó trưởng đoàn kiểm tra trong trường hợp được ủy quyền) và thành viên thư ký; có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án đầu tư, cơ sở. Biên bản hội đồng, biên bản kiểm tra thực hiện theo Mẫu số 06, 07 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này;

e) Hội đồng, đoàn kiểm tra làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra; giữa hội đồng, đoàn kiểm tra với chủ dự án đầu tư, cơ sở theo hình thức tổ chức phiên họp. Thành viên hội đồng là đại diện cơ quan, tổ chức phải có văn bản cử người của cơ quan, tổ chức đó;

g) Thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, viết bản nhận xét, phiếu thẩm định thực hiện theo các Mẫu số 08, 09, 10 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này và gửi cho thành viên thư ký tổng hợp. Thành viên vắng mặt được gửi bản nhận xét trước phiên họp chính thức của hội đồng, đoàn kiểm tra và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức nhưng không viết phiếu thẩm định;

h) Thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp giấy phép môi trường và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; được nhận hồ sơ ít nhất 03 ngày trước phiên họp của hội đồng, đoàn kiểm tra; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

i) Kết quả thẩm định của hội đồng, đoàn kiểm tra được quy định như sau: Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung đối với trường hợp tất cả thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra tham dự phiên họp có phiếu thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua đối với trường hợp có trên 1/3 (một phần ba) số thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra tham dự có phiếu thẩm định không thông qua; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung khi không thuộc hai trường hợp trên.

7. Thẩm định cấp giấy phép môi trường theo hình thức chuyên gia:

a) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến thẩm định gồm ít nhất 03 chuyên gia theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này (ưu tiên lấy ý kiến chuyên gia đã tham gia thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án);

b) Chuyên gia có trách nhiệm viết bản nhận xét thực hiện theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này và gửi cơ quan cấp phép môi trường trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Bản nhận xét phải nêu rõ 01 trong 03 mức độ: Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua. Chuyên gia chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

c) Việc thẩm định theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia phải đáp ứng điều kiện có từ 2/3 (hai phần ba) số lượng chuyên gia trở lên có bản nhận xét và gửi cơ quan thẩm định theo quy định tại điểm b khoản này. Kết quả thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến chuyên gia được quy định như sau: Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung đối với trường hợp tất cả các chuyên gia có ý kiến thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua đối với trường hợp có trên 1/3 (một phần ba) số chuyên gia có ý kiến không thông qua; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung khi không thuộc hai trường hợp trên.

8. Thời hạn cấp giấy phép môi trường được tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và được quy định như sau:

a) Không quá 13 ngày đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Không quá 15 ngày đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được cơ quan cấp giấy phép môi trường thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trên môi trường điện tử thông qua đường truyền dữ liệu quân sự theo quy định của Bộ Quốc phòng;

c) Không quá 30 ngày đối với các dự án, cơ sở không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

9. Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức phiên họp hội đồng hoặc kể từ ngày tổ chức phiên họp đoàn kiểm tra hoặc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thông báo kết quả thẩm định cho chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện theo các Mẫu số 11, 12 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này; trừ trường hợp hội đồng hoặc đoàn kiểm tra hoặc tất cả các chuyên gia theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia thông qua hồ sơ không cần chỉnh sửa, bổ sung.

10. Chủ dự án đầu tư, cơ sở hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường:

a) Công văn của chủ dự án đầu tư, cơ sở giải trình nội dung chỉnh sửa, hoàn chỉnh và đề nghị cấp giấy phép môi trường thực hiện theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục II kèm theo Điều lệ này;

b) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã được chỉnh sửa, hoàn chỉnh, kèm theo file scan nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

11. Cấp giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức phiên họp hội đồng hoặc kể từ ngày tổ chức phiên họp đoàn kiểm tra hoặc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan cấp giấy phép môi trường có trách nhiệm cấp giấy phép môi trường cho dự án trong trường hợp thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung.

b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cấp giấy phép môi trường hoàn thiện đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định pháp luật về đầu tư công, dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và được cơ quan cấp giấy phép môi trường thực hiện tiếp nhận, trả kết quả trên môi trường điện tử thông qua đường truyền dữ liệu quân sự, cơ quan cấp giấy phép môi trường có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư, cơ sở trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường; trường hợp không cấp giấy phép môi trường phải có thông báo cho chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cấp giấy phép môi trường hoàn thiện đối với dự án, cơ sở không thuộc điểm a, điểm b Điều này, cơ quan cấp giấy phép môi trường có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư, cơ sở trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường; trường hợp không cấp giấy phép môi trường phải có thông báo cho chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ lý do.

12. Hoạt động cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường

a) Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường; báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường.

b) Việc điều chỉnh giấy phép môi trường được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép môi trường có thông báo bằng văn bản trả hồ sơ cho chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ lý do.

c) Việc cấp lại giấy phép môi trường được thực hiện theo trình tự, thủ tục, thời hạn quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

13. Việc gửi, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; thông báo kết quả thẩm định và cấp giấy phép môi trường được thực hiện thông qua một trong các hình thức gửi trực tiếp tại văn thư, quân bưu hoặc đường truyền dữ liệu quân sự theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường

1. Quản lý, lưu giữ hồ sơ, dữ liệu về giấy phép môi trường.
2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở quốc phòng; tiếp nhận và xử lý kiến nghị về bảo vệ môi trường đối với nội dung quy định trong giấy phép môi trường.

Điều 28. Đăng ký môi trường

Các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Quân đội không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng¹⁶ phải thực hiện đăng ký môi trường theo quy định tại Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.

Mục 6
QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 29. Trách nhiệm quản lý chất thải

1. Các cơ quan, đơn vị Quân đội có nguồn chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, bụi, khí thải có trách nhiệm quản lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và những yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ huy cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm quản lý chất thải; phân công nhiệm vụ cho phòng, ban, bộ phận, cán bộ, nhân viên hậu cần hoặc kỹ thuật đảm nhiệm quản lý chất thải. Người được phân công quản lý chất thải có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán kinh phí quản lý chất thải để trình thủ trưởng đơn vị mình phê duyệt, tổ chức thực hiện.

3. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ vào quy mô, chủng loại, đặc điểm, tính chất của các nguồn thải để xác định và thực hiện:

a) Quản lý chất thải trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy;

b) Tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng và giấy phép môi trường phù hợp để xử lý theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường;

c) Phân định chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với nguồn thải chất thải công nghiệp thuộc diện phải kiểm soát;

¹⁶ Cụm từ “có yêu cầu bí mật về quân sự, quốc phòng” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

d) Thực hiện quản lý chất thải phóng xạ theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử;

đ) Thực hiện các biện pháp thu gom, tái sử dụng và xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

e) Quản lý nước thải có chứa thông số môi trường nguy hại vượt ngưỡng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;

g) Thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

h) Áp dụng giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải; cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu môi trường khi chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý cho cơ sở có giấy phép môi trường;

i) Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương;

k) Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại; xử lý chất thải nguy hại bằng công nghệ phù hợp và đáp ứng quy định của pháp luật.

Điều 30. Tổ chức thực hiện quản lý chất thải

1. Đánh giá, phân tích để xác định nguồn, phân loại thành phần, tính chất, quy mô, khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, bụi, khí thải.

2. Xác định và tổ chức thực hiện các giải pháp để thu gom, phân loại, giảm thiểu, tái sử dụng, xử lý chất thải.

3. Lập kế hoạch quản lý, thực hiện ghi chép hồ sơ theo dõi, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải.

4. Báo cáo tình hình quản lý chất thải.

Mục 7 XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Điều 31. Trách nhiệm xử lý ô nhiễm môi trường

1. Chỉ huy các nhà máy, xí nghiệp, xưởng, công ty, tổng công ty, kho quân sự, bệnh viện, quân cảng, sân bay, trung tâm huấn luyện, thử nghiệm vũ khí, trường bắn, trại giam, trại tạm giam và các đơn vị có phát sinh chất thải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

2. Chủ dự án đầu tư phải xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Các giải pháp, công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường phải thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường được cấp có thẩm quyền cấp.

Điều 32. Nội dung của hoạt động xử lý ô nhiễm môi trường

1. Xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt.
2. Xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.
3. Xử lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung và các chất thải khác (nếu có).

Điều 33. Nguyên tắc bảo đảm xử lý ô nhiễm môi trường

1. Xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường:

a) Đối với các dự án đầu tư hoặc các cơ quan, đơn vị có dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, kinh phí bảo đảm xây dựng hệ thống công trình xử lý ô nhiễm môi trường được xác định là một hạng mục của dự án;

b) Đối với các nhà máy, xí nghiệp, xưởng, công ty, tổng công ty, kho quân sự, bệnh viện, học viện, nhà trường, quân cảng, sân bay, trung tâm huấn luyện, thử nghiệm vũ khí, trường bắn, trại giam, trại tạm giam, các đơn vị làm nhiệm vụ công ích, kinh phí cho xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, quốc phòng theo kế hoạch hằng năm (bảo đảm 100% đối với các đơn vị chỉ thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, hỗ trợ một phần theo tỷ lệ phần trăm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng đối với các đơn vị kết hợp nhiệm vụ quốc phòng-kinh tế). Việc xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường được thực hiện thông qua việc lập dự án hoặc nhiệm vụ bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Vận hành các hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường:

a) Kinh phí để vận hành các hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường được bảo đảm từ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm của đơn vị hoặc được hạch toán vào khoản chi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị;

b) Đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường có trách nhiệm lập kế hoạch và dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 8
XỬ LÝ, KHẮC PHỤC Ô NHIỄM,
SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG SAU CHIẾN TRANH

Điều 34. Trách nhiệm xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường sau chiến tranh

1. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Quân đội được giao nhiệm vụ xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường sau chiến tranh có trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai thực hiện các biện pháp để ngăn chặn và khắc phục hậu quả tồn lưu bom, mìn, vật liệu nổ, chất độc CS, chất độc hóa học/dioxin.

2. Chỉ huy đơn vị quản lý các vùng đất bị ô nhiễm chất độc hóa học có trách nhiệm thống kê, điều tra, xác định phạm vi, mức độ ô nhiễm và đánh giá rủi ro; khoanh vùng, cô lập, xác định biện pháp xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện; quan trắc, theo dõi sau xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường.

Điều 35. Nội dung hoạt động xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, sau chiến tranh

1. Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, hậu quả đối với con người do tồn lưu bom mìn, vật liệu nổ, chất độc CS, chất độc hóa học/dioxin và các chất độc hại khác tồn lưu sau chiến tranh.

2. Quan trắc, theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường sau chiến tranh.

Mục 9

**PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG,
BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI MÔI TRƯỜNG**

Điều 36. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường

1. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị Quân đội theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng khi để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ quan, đơn vị mình; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

b) Lắp đặt các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường;

c) Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng ứng phó sự cố môi trường;

d) Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

đ) Thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường;

e) Khắc phục hậu quả đối với con người và môi trường.

Điều 37. Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn khu vực đóng quân

1. Các cơ quan, đơn vị Quân đội có trách nhiệm thực hiện ứng phó, khắc phục sự cố môi trường ở địa bàn đóng quân và các khu vực được giao nhiệm vụ. Việc tổ chức, bố trí, sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị phục vụ ứng phó khắc phục sự cố môi trường thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan chức năng.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố môi trường được bảo đảm chi phí về nhân công, vật tư, phương tiện và các khoản chi theo quy định của pháp luật.

Mục 10

QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Điều 38. Quan trắc môi trường trong Quân đội

1. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị, dự án đầu tư, cơ sở sản xuất quốc phòng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước, có xả nước thải ra môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí, có xả bụi, khí thải ra môi trường thuộc đối tượng quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ các thông số về nước thải, bụi, khí thải theo thời gian, tần suất được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục (có camera theo dõi) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường của Quân đội theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Quản lý số liệu kết quả quan trắc môi trường; báo cáo cơ quan quản lý môi trường trong Quân đội theo quy định trong Điều lệ này;

d) Thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn trong Quân đội thực hiện quan trắc môi trường để đảm bảo bí mật các số liệu thông tin của dự án; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện quan trắc môi trường. Trường hợp lĩnh vực hoạt động của mình không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng¹⁷, có thể sử dụng đơn vị tư vấn ngoài Quân đội để quan trắc môi trường.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện quan trắc môi trường phải có đủ năng lực và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

4. Cơ quan quản lý môi trường trong Quân đội có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các hoạt động quan trắc môi trường.

¹⁷ Cụm từ “có yêu cầu bí mật” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Điều 39. Quan trắc môi trường quốc gia

1. Các cơ quan, đơn vị trong Quân đội được giao nhiệm vụ quan trắc môi trường quốc gia (quan trắc môi trường nước biển xa bờ, môi trường xuyên biên giới, quan trắc các thành phần môi trường khác) có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm quản lý số liệu kết quả quan trắc môi trường phục vụ thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, công tác quản lý môi trường của Nhà nước; định kỳ báo cáo kết quả quan trắc môi trường về Cục Khoa học quân sự và cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁸ theo quy định.

Mục 11

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG QUÂN SỰ

Điều 40. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động quân sự

Chỉ huy các cơ quan, đơn vị Quân đội theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường trong sinh hoạt của bộ đội ở doanh trại và nơi đóng quân; trong các hoạt động huấn luyện, diễn tập quân sự; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; bảo đảm quân y; giao thông vận tải quân sự; hoạt động ở các sân bay, cảng quân sự; xây dựng công trình quốc phòng; nhập khẩu hàng quốc phòng; nghiên cứu, thử nghiệm và các hoạt động khác có liên quan.

Điều 41. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường trong sinh hoạt ở doanh trại và nơi đóng quân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường trong sinh hoạt ở doanh trại và nơi đóng quân.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường trong sinh hoạt ở doanh trại và nơi đóng quân.

3. Có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải, bảo đảm đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường; quản lý, xử lý nước thải sinh hoạt và các chất thải khác phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của bộ đội và trong các hoạt động quân sự, bảo đảm đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

4. Bảo vệ tài nguyên đất, các nguồn nước, rừng và các loại tài nguyên khác trong khu vực doanh trại và nơi đóng quân.

¹⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong sinh hoạt ở doanh trại và nơi đóng quân theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

6. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, chiến sĩ trong hoạt động huấn luyện, diễn tập.

7. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường trong hoạt động sinh hoạt, hoạt động quân sự.

8. Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường ở địa phương và các khu vực được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường trong huấn luyện, diễn tập

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các tác động xấu đối với tài nguyên và môi trường trong huấn luyện, diễn tập.

2. Phục hồi, làm sạch môi trường khu vực huấn luyện, diễn tập.

3. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, chiến sĩ trong hoạt động huấn luyện, diễn tập.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động huấn luyện, diễn tập theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

5. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường trong sinh hoạt ở doanh trại và nơi đóng quân.

Điều 43. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp quốc phòng

1. Chủ cơ sở sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp quốc phòng trong Quân đội có trách nhiệm:

a) Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị mình;

b) Thực hiện thủ tục đề nghị để được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật;

c) Xử lý chất thải, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

d) Khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị mình gây ra;

đ) Nộp thuế, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

e) Bố trí cán bộ phụ trách công tác quản lý và bảo vệ môi trường;

g) Tổ chức quan trắc môi trường tự động, liên tục, định kỳ theo quy định của pháp luật;

h) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân viên trong cơ sở sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ;

i) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường hoạt động sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên;

k) Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ.

2. Cơ sở sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ trong Quân đội phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau:

a) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

b) Có hệ thống thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định;

c) Có hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; đảm bảo không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với con người và môi trường;

d) Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;

đ) Tổ chức quan trắc môi trường tự động, liên tục, định kỳ theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, dịch vụ trong Quân đội hoặc kho quân sự phải có khoảng cách đảm bảo an toàn đối với khu dân cư khi thuộc các trường hợp sau:

a) Có chất dễ cháy, dễ nổ;

b) Có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh;

c) Có chất độc hại đối với người và sinh vật;

d) Phát tán bụi, mùi, tiếng ồn ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người;

đ) Gây ô nhiễm nguồn nước.

4. Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Có quy hoạch các khu chức năng, các loại hình hoạt động phải phù hợp với các hoạt động bảo vệ môi trường;

b) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và có hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục; có thiết bị đo lưu lượng nước thải theo quy định;

c) Bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp để thực hiện hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường.

5. Cụm công nghiệp quốc phòng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Xây dựng phương án bảo vệ môi trường;
- b) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- c) Tổ chức quan trắc môi trường tự động, liên tục, định kỳ theo quy định của pháp luật;
- d) Bố trí cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường.

Điều 44. Nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bệnh viện quân y và các cơ sở y tế trong Quân đội

1. Bệnh viện quân y, các cơ sở y tế trong Quân đội phải thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:

- a) Thu gom, xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- b) Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn; thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn y tế bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- c) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra;
- d) Chất thải y tế phải được xử lý sơ bộ loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi lưu giữ, xử lý, tiêu hủy tập trung;
- đ) Xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- e) Làm thủ tục đề nghị để được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật;
- g) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ của cơ quan, đơn vị mình;
- h) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động của bệnh viện, cơ sở y tế theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên;
- i) Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường đối với hoạt động của bệnh viện, cơ sở y tế.

2. Cơ sở chiếu xạ, dụng cụ thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng yêu cầu của pháp luật về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.

3. Bệnh viện quân y, cơ sở y tế trong Quân đội có trách nhiệm bố trí đủ kinh phí để xây dựng, vận hành công trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Điều 45. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với kho quân sự

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường trong hoạt động của kho quân sự.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, kế hoạch bảo vệ

môi trường đã được xác nhận và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

3. Lập kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động của kho quân sự.

4. Xử lý nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại sinh ra do hoạt động của kho quân sự.

5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân viên của đơn vị mình.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động của kho quân sự theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

7. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra môi trường đối với kho quân sự.

Điều 46. Nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải quân sự

1. Quy hoạch giao thông vận tải quân sự phải tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phương tiện giao thông cơ giới quân sự phải được cơ quan đăng kiểm xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3. Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông.

4. Đơn vị hoạt động giao thông vận tải hàng nguy hiểm phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường;

b) Có giấy phép vận chuyển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Khi vận chuyển phải theo đúng tuyến đường và thời gian quy định trong giấy phép được cấp.

6. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra môi trường trong hoạt động giao thông vận tải quân sự.

Điều 47. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ở sân bay, cảng quân sự

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng sân bay, cảng quân sự.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường trong quá trình hoạt động của sân bay, cảng quân sự.

3. Lập kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của sân bay, cảng quân sự.

4. Xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại sinh ra do hoạt động của sân bay, cảng quân sự.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sân bay, cảng quân sự theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

6. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường trong hoạt động của sân bay, cảng quân sự.

Điều 48. Nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng công trình quốc phòng

1. Quy hoạch xây dựng công trình quốc phòng phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

2. Hồ sơ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình quốc phòng có phát sinh chất thải tác động xấu đến môi trường phải có hạng mục công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

3. Việc thi công công trình xây dựng quốc phòng phải bảo đảm các yêu cầu bảo vệ môi trường sau:

a) Công trình xây dựng quốc phòng trong khu dân cư phải có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

b) Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường;

c) Nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng công trình quốc phòng theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

5. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng công trình quốc phòng.

Điều 49. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường trong nhập khẩu hàng hóa quốc phòng

1. Máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Cấm nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, hàng hóa trong danh mục cấm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa quốc phòng.

4. Đối với hàng hóa quốc phòng đặc biệt, hoạt động bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 50. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường trong hoạt động nghiên cứu, phòng thử nghiệm

1. Cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm phải thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường sau:

- a) Thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- b) Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn;
- c) Xử lý, tiêu hủy mẫu, vật phẩm phân tích thí nghiệm, hóa chất bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- d) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

2. Cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động nghiên cứu, phòng thử nghiệm theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

4. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường trong hoạt động nghiên cứu, phòng thử nghiệm.

Mục 12

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT, NƯỚC, KHÔNG KHÍ,
BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN,
HỆ SINH THÁI, ĐA DẠNG SINH HỌC**

Điều 51. Bảo vệ môi trường đất

1. Các cơ quan, đơn vị Quân đội được giao quản lý, sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất; xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất nếu gây ô nhiễm môi trường đất; định kỳ tổ chức điều tra, thống kê thông tin về chất lượng môi trường đất được giao quản lý gửi cơ quan cấp trên theo hướng dẫn nghiệp vụ của Cục Khoa học quân sự và Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu; tổ chức thực hiện xử lý, cải tạo, phục hồi các khu vực đất bị ô nhiễm được giao quản lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Các cơ quan, đơn vị Quân đội có trách nhiệm thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát chặt chẽ các công đoạn, khu vực phát sinh yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất; phát hiện kịp thời, cô lập và xử lý các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất khi có dấu hiệu ô nhiễm; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Cơ sở sản xuất hóa chất và các cơ sở khác trong Quân đội có sử dụng hóa chất độc hại thuộc đối tượng theo quy định của pháp luật phải thực hiện quan trắc chất lượng môi trường đất định kỳ, gửi báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý môi trường của Quân đội.

Điều 52. Bảo vệ môi trường nước

1. Các cơ quan, đơn vị Quân đội có nguồn phát sinh chất thải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu và xử lý chất thải trước khi xả vào nguồn nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Cơ sở trong Quân đội có sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ phải có biện pháp bảo đảm không để rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại và chất thải phóng xạ vào nguồn nước dưới đất. Kho quân sự có chứa hóa chất phải được xây dựng bảo đảm an toàn, có biện pháp ngăn cách hóa chất độc hại ngấm vào nguồn nước dưới đất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Các cơ quan, đơn vị Quân đội được giao quản lý các nguồn nước có trách nhiệm thực hiện việc đánh giá, kiểm soát, khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm, thực hiện các biện pháp bảo vệ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Luật Tài nguyên nước.

Điều 53. Bảo vệ môi trường không khí

1. Các cơ quan, đơn vị Quân đội có nguồn phát thải bụi, khí tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Quân đội có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 54. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

1. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường biển, hải đảo; xử lý các nguồn phát sinh chất thải của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật trước khi xả thải vào môi trường biển, hải đảo; thực hiện ứng phó sự cố môi trường trên biển, hải đảo theo chỉ đạo của cơ quan chức năng.

2. Cơ quan, đơn vị hoạt động trên biển, hải đảo có nguy cơ gây sự cố môi trường phải có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 103 Điều lệ này.

Điều 55. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học

Chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, bảo vệ các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Luật Đa dạng sinh học.

2. Bảo vệ các nguồn tài nguyên khoáng sản, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường khi tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

Mục 13
NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÂN ĐỘI

Điều 56. Nội dung nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ

1. Nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch bảo vệ môi trường phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, phát triển bền vững.
2. Nghiên cứu xây dựng các mô hình cảnh quan, sinh thái, mô hình xanh-sạch-đẹp tại các doanh trại Quân đội.
3. Nghiên cứu khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, môi trường phục vụ cho các hoạt động quân sự, quốc phòng; nghiên cứu các yếu tố môi trường phục vụ bảo vệ sức khoẻ bộ đội và vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật quân sự.
4. Nghiên cứu các giải pháp quản lý tài nguyên đất, tài nguyên rừng và các loại tài nguyên thiên nhiên khác tại các khu vực quân sự.
5. Nghiên cứu quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường do hậu quả vũ khí hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân.
6. Nghiên cứu giải pháp công nghệ mới xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại trong hoạt động quân sự.
7. Nghiên cứu áp dụng kiểm toán môi trường, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp quốc phòng.
8. Nghiên cứu xây dựng lực lượng và tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.
9. Nghiên cứu sử dụng lực lượng Quân đội tham gia quan trắc môi trường quốc gia, kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới, kiểm soát ô nhiễm trên biển, kiểm soát buôn bán động vật, thực vật quý hiếm xuyên biên giới.

Điều 57. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường trong Quân đội thực hiện theo các quy định của Điều lệ công tác Khoa học và Công nghệ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Mục 14
HỢP TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 58. Đối tượng hợp tác bảo vệ môi trường

Hợp tác bảo vệ môi trường của Quân đội gồm hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân trong Quân đội; giữa tổ chức, cá nhân trong Quân đội với tổ chức, cá nhân trong nước; giữa tổ chức trong Quân đội với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Điều 59. Nội dung, hình thức hợp tác bảo vệ môi trường

1. Hợp tác về đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học về bảo vệ môi trường.
2. Hợp tác về chuyển giao công nghệ bảo vệ môi trường, công nghệ sạch.
3. Hợp tác về cung cấp thông tin, tư liệu, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức môi trường.
4. Hợp tác xây dựng và thực hiện các dự án cải thiện điều kiện môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và các dự án xử lý chất thải.
5. Hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn, chất độc hóa học/dioxin tồn lưu sau chiến tranh ở Việt Nam.

Điều 60. Yêu cầu khi thực hiện hợp tác bảo vệ môi trường

1. Các nội dung hợp tác về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng cụ thể phải được chọn lọc, phục vụ các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường Quân đội, có tính toán hiệu quả và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trong quá trình hợp tác bảo vệ môi trường, phải thực hiện nghiêm túc theo văn bản hợp đồng, giữ uy tín với đối tác, tạo cơ sở cho sự hợp tác lâu dài; tuân thủ theo quy định của Bộ Quốc phòng về công tác đối ngoại quốc phòng.
3. Định kỳ hằng năm và khi kết thúc một đề mục hợp tác, cơ quan, đơn vị chủ trì hợp tác phải báo cáo cấp trên kết quả thực hiện theo quy định. Cơ quan quản lý môi trường các cấp giúp người chỉ huy cấp mình thống nhất tổ chức thực hiện, quản lý nội dung và kết quả hợp tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 61. Hợp tác bảo vệ môi trường trong nước

1. Các tổ chức, cá nhân trong Quân đội chỉ được tham gia hợp tác bảo vệ môi trường với đối tác trong và ngoài Quân đội ở trong nước khi được phép của cấp quản lý trực tiếp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Việc quản lý hợp tác bảo vệ môi trường trong nội bộ Quân đội và các đề mục hợp tác giữa Quân đội với tổ chức, cá nhân trong nước do phía Quân đội chủ trì, được thực hiện theo những quy định của Điều lệ này. Đối với các đề mục không do phía Quân đội chủ trì, đơn vị có cá nhân, tổ chức tham gia hợp tác phải quản lý và báo cáo thủ trưởng cấp trên theo quy định.

Điều 62. Hợp tác bảo vệ môi trường với nước ngoài

Hợp tác bảo vệ môi trường với nước ngoài phải được lập kế hoạch trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt và thực hiện theo quy chế đối ngoại của Bộ Quốc phòng.

Điều 63. Giải quyết tranh chấp trong quá trình hợp tác

Các tranh chấp trong quá trình hợp tác bảo vệ môi trường giữa các đối tác, được giải quyết theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Mục 15
QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

Điều 64. Nội dung nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường

1. Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Quan trắc môi trường theo quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia, quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

5. Hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường đất, nước, không khí theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường cấp quốc gia; quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng thí điểm, tổng kết, đánh giá phục vụ việc hướng dẫn các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; hoạt động đánh giá phục vụ việc chứng nhận, xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; hoạt động của ban điều hành, văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; các hoạt động nghiệp vụ quản lý môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm: điều tra, đánh giá, kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường quy mô liên tỉnh, liên vùng; lập danh mục chất thải; xây dựng tiêu chí về công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải.

7. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác thuộc trách nhiệm xử lý của trung ương; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ liên tỉnh (không bao gồm dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công).

8. Hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu: Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di

sản thiên nhiên; điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động, kiểm kê phát thải khí nhà kính, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính; xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực; xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia, cấp lĩnh vực; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp quốc gia, lĩnh vực; điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính theo quy định của pháp luật.

9. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Nguyên tắc quản lý, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải được lập thuyết minh, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện. Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thường xuyên, chỉ phải lập kế hoạch và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

2. Cơ quan quản lý môi trường thẩm định thuyết minh nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Đối với các nhiệm vụ khó khăn, phức tạp cần thiết phải thành lập hội đồng thẩm định, xét duyệt thuyết minh, cơ quan quản lý môi trường báo cáo thủ trưởng cấp mình quyết định.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải được quản lý chặt chẽ. Cơ quan quản lý môi trường tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Đối với các nhiệm vụ có liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, có tính chất phức tạp, cơ quan quản lý môi trường báo cáo thủ trưởng cấp mình quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu.

4. Các cơ quan, đơn vị phải sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và quyết toán kinh phí đã sử dụng, thực hiện chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 66. Phân cấp các nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường được phân ra thành 2 cấp:

a) Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ Quốc phòng bao gồm các nhiệm vụ có quy mô, đối tượng tác động trong phạm vi toàn quân hoặc các nhiệm vụ được lựa chọn làm mô hình điểm để nhân rộng ra toàn quân. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ này phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường của Bộ Quốc phòng;

b) Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp cơ sở bao gồm các nhiệm vụ có quy mô, đối tượng tác động trong phạm vi của cơ quan, đơn vị cơ sở. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ này chỉ phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường trong phạm vi của cơ quan, đơn vị.

2. Cục Khoa học quân sự có trách nhiệm thẩm định các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ Quốc phòng, tổng hợp các nhiệm vụ cấp cơ sở, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bảo đảm kinh phí thực hiện.

Điều 67. Phân công trách nhiệm quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Cục Khoa học quân sự giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý các nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách chi sự nghiệp môi trường, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁹;

b) Tổng hợp kế hoạch bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, ký văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường²⁰ để bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện;

c) Thẩm định các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ Quốc phòng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định phê duyệt thực hiện. Đối với các nhiệm vụ có liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, có tính chất phức tạp, Cục trưởng Cục Khoa học quân sự quyết định thành lập hội đồng thẩm định, xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ. Kết quả họp thẩm định được lập thành biên bản để làm căn cứ trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt thực hiện;

d) Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ cấp Bộ Quốc phòng. Đối với các nhiệm vụ có liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, có tính chất phức tạp, Cục trưởng Cục Khoa học quân sự quyết định thành lập hội đồng, tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện;

đ) Thẩm định, xác nhận việc điều chỉnh nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ Quốc phòng nhưng không thay đổi mục tiêu, không vượt tổng số kinh phí so với phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

e) Hướng dẫn quản lý các nội dung cụ thể chi ngân sách sự nghiệp môi trường trong Quân đội; hướng dẫn các mẫu biểu lập kế hoạch và dự toán, mẫu thuyết minh nhiệm vụ, mẫu văn bản thẩm định, xét duyệt thuyết minh, mẫu văn bản đánh giá nghiệm thu, mẫu văn bản xác nhận kết quả phục vụ cho công tác quản lý các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Hằng năm theo hướng dẫn của Cục Khoa học quân sự, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đề xuất kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ Quốc phòng, cấp cơ sở từ nguồn ngân sách chi sự nghiệp môi

¹⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

²⁰ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

trường gửi Cục Khoa học quân sự để tổng hợp, thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét phê duyệt thực hiện;

b) Phê duyệt nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp cơ sở sau khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bảo đảm kinh phí thực hiện; thẩm định, xác nhận việc điều chỉnh nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp cơ sở nhưng không thay đổi mục tiêu, không vượt tổng số kinh phí được bảo đảm;

c) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ Quốc phòng theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, gửi văn bản đề nghị Cục Khoa học quân sự tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo quy định;

d) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp cơ sở; tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao trong các quyết định phê duyệt nhiệm vụ; gửi báo cáo kết quả thực hiện để Cục Khoa học quân sự tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chương III **HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Điều 68. Trách nhiệm ứng phó với biến đổi khí hậu

Chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Quân đội theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác ứng phó, thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với tính mạng, sức khỏe bộ đội, tài sản, vũ khí, trang bị kỹ thuật, công trình và các hoạt động quân sự, quốc phòng; thực hiện các biện pháp hữu hiệu nhằm kiểm soát, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn; thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu và kiểm soát, giảm thiểu các hoạt động gây ra biến đổi khí hậu ở địa phương nơi đóng quân hoặc các khu vực được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Yêu cầu trong hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Việc ứng phó với biến đổi khí hậu được tiếp cận theo hướng xác định sự biến đổi khí hậu thông qua các sự biến đổi bất thường của các yếu tố khí tượng như nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, các yếu tố khác và sự dâng cao mực nước biển; đánh giá những tác động xấu của biến đổi khí hậu đến các hoạt động quân sự, quốc phòng, đến sức khỏe bộ đội, đến các công trình quân sự, quốc phòng, vũ khí, khí tài, trang thiết bị quân sự và các lĩnh vực quân sự, quốc phòng có liên quan; xác định các biện pháp thích ứng, ứng phó, giảm thiểu; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện.

2. Bảo đảm tính chủ động, phát huy sức mạnh tổng hợp của Quân đội trong hoạt động ứng phó, thích ứng, giảm thiểu tác động xấu của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với tính mạng, sức khỏe bộ đội, tài sản, vũ khí, trang bị kỹ thuật, công trình và hoạt động quân sự trên phạm vi cả nước nhằm đảm bảo khả năng huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu của Quân đội trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Xác định được sự biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các khu vực hoạt động quân sự trên mọi vùng, miền đất nước; đánh giá được những tác động xấu của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với sức khỏe bộ đội, công tác tham mưu, tác chiến, công tác huấn luyện, diễn tập, công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, sản xuất quốc phòng, công tác tìm kiếm, cứu hộ-cứu nạn; công trình quốc phòng, doanh trại, trung tâm huấn luyện, trận địa, trường bắn, nhà, xưởng, kho tàng quân sự, công trình giao thông vận tải quân sự.

Điều 70. Tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực về biến đổi khí hậu

1. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, thông tin về biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tác động của nó đối với Quân đội; chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng về ứng phó, thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; những thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và trên thế giới về biến đổi khí hậu, nước biển dâng; những mô hình tiêu biểu về ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ trong quản lý, đánh giá và thực hiện các giải pháp ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua các nhà trường trong và ngoài Quân đội.

Điều 71. Xác định sự biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các khu vực hoạt động quân sự, quốc phòng và công trình quân sự

1. Xác định sự biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các khu vực hoạt động quân sự, quốc phòng và công trình quân sự trên mọi miền đất nước trên cơ sở kịch bản quốc gia và các mô hình tính toán tiên tiến, có luận cứ khoa học, độ tin cậy cao phục vụ cho công tác quy hoạch xây dựng và quản lý các công trình quân sự, các kế hoạch xây dựng quốc phòng.

2. Xây dựng bản đồ số, dữ liệu địa hình và chương trình quản lý cơ sở dữ liệu thông tin về biến đổi khí hậu, nước biển dâng phục vụ cho hoạt động giảm thiểu, thích ứng, ứng phó trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng và công tác tìm kiếm, cứu hộ-cứu nạn.

Điều 72. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến các lĩnh vực hoạt động của Quân đội

1. Căn cứ vào kết quả xác định sự biến đổi khí hậu, các cơ quan, đơn vị Quân đội thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với: các khu vực đóng quân, công tác huấn luyện, diễn tập, hoạt động tác chiến, công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, sản xuất quốc phòng, công tác bảo đảm quân y, công tác tìm kiếm, cứu hộ-cứu nạn; công trình quốc phòng, trung tâm huấn luyện, trường bắn, kho tàng quân sự, công trình giao thông vận tải quân sự, sức khỏe bộ đội và các lĩnh vực quân sự, quốc phòng khác có liên quan.

2. Mô phỏng tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với công trình và hoạt động quân sự theo các kịch bản.

3. Xây dựng các bản đồ, dự báo xu thế và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với công trình, hoạt động quân sự theo từng giai đoạn cụ thể.

4. Phân loại những lĩnh vực, công trình và hoạt động quân sự chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Điều 73. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu

1. Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn của các ngành, lĩnh vực quân sự nhằm chủ động, thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Lồng ghép, tích hợp các vấn đề về biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển của các ngành, lĩnh vực quân sự, quốc phòng bảo đảm phòng ngừa, hạn chế và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Tham mưu xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Điều 74. Biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu

1. Điều chỉnh quy hoạch vị trí đóng quân, quy hoạch công trình quân sự, quốc phòng thích ứng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Điều chỉnh kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động quân sự, quốc phòng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Điều chỉnh các tiêu chuẩn, quy chuẩn của các ngành, lĩnh vực quân sự thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

4. Đảm bảo chế độ ăn uống, chăm sóc sức khỏe cho bộ đội khi huấn luyện sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện biến đổi khí hậu.

5. Xây dựng các công trình, bảo đảm trang thiết bị ứng phó, thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với sức khỏe bộ đội, vũ khí, trang bị kỹ thuật và các hoạt động quân sự, quốc phòng.

Điều 75. Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ về biến đổi khí hậu, nước biển dâng

1. Ứng dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý, đánh giá, giám sát, dự báo tác động và ứng phó, thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

2. Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, thay đổi các nguyên vật liệu, năng lượng mới sử dụng trong quân sự để ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giảm phát thải khí nhà kính.

3. Nghiên cứu phát triển nghệ thuật tác chiến; thiết kế, chế tạo, quản lý, sử dụng vũ khí, khí tài trong điều kiện khí hậu biến đổi theo hướng bất lợi; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong bảo quản vũ khí, khí tài, trang thiết bị quân sự.

4. Nghiên cứu các phương án tổ chức và sử dụng lực lượng Quân đội ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Điều 76. Hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện giữa các tổ chức, cá nhân trong Quân đội; giữa tổ chức, cá nhân trong Quân đội với tổ chức, cá nhân trong nước; giữa tổ chức trong Quân đội với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu gồm: đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học về biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó; chia sẻ thông tin, tư liệu; diễn tập và tổ chức ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Quốc phòng về đối ngoại quân sự.

Chương IV

BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC CHO HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 77. Nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường.

2. Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng.

3. Kinh phí của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 78. Sử dụng kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nội dung sử dụng nguồn ngân sách chi sự nghiệp môi trường được lập dự toán, chi tiêu và quản lý theo quy định của Điều lệ này, quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường²¹.

2. Các đề tài, nhiệm vụ, chương trình nghiên cứu bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nội dung sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học được lập dự toán chi tiêu và quản lý theo quy định của Điều lệ công tác Khoa học và Công nghệ Quân đội nhân dân Việt Nam, quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

²¹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

3. Các dự án, đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nội dung sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, điều tra cơ bản, đầu tư phát triển, nguồn hợp pháp khác được thực hiện theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Việc lập và thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và hướng dẫn của cơ quan quản lý đầu tư trong Quân đội.

Điều 79. Trách nhiệm quản lý các nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý các nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan, đơn vị Quân đội theo quy định của Luật Ngân sách và Điều lệ công tác Tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Cục Khoa học quân sự chủ trì, phối hợp với Cục Tài chính căn cứ khả năng ngân sách hằng năm từ nguồn chi sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học và công nghệ thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bảo đảm ngân sách thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, các đề án, chương trình, đề tài nghiên cứu bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.²² Cục Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Khoa học quân sự căn cứ vào khả năng ngân sách hằng năm từ nguồn điều tra cơ bản, đầu tư phát triển thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bảo đảm ngân sách cho các dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Cơ quan tài chính các cấp có nhiệm vụ:

a) Quản lý, hướng dẫn sử dụng các nguồn kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của Luật Ngân sách và Điều lệ công tác tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam; chịu trách nhiệm trước người chỉ huy về quản lý, sử dụng, bảo đảm kinh phí thực hiện ở cấp mình;

b) Cấp phát kinh phí đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch.

5. Cơ quan quản lý môi trường các cấp có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Đánh giá, nghiệm thu khối lượng, chất lượng phục vụ cho việc thanh quyết toán kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định.

6. Cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ, đề tài, dự án, đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có trách nhiệm:

²² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

a) Sử dụng kinh phí đúng mục đích và có hiệu quả. Kinh phí dành cho nhiệm vụ nào phải được sử dụng cho đúng nhiệm vụ đó. Trường hợp điều chỉnh chi cho nhiệm vụ khác phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và Bộ Quốc phòng; chỉ được thanh, quyết toán các nội dung chi cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu khi kết quả được nghiệm thu, xác nhận khối lượng, chất lượng.

Điều 80. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Cơ quan, đơn vị thuộc khối dự toán: Kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được bảo đảm trong kế hoạch và dự toán hằng năm của cơ quan, đơn vị mình.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc khối hạch toán: Kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được hạch toán khoản chi vào hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 81. Bảo đảm nguồn nhân lực cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bố trí cán bộ làm nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu ở các cấp theo chức danh và biên chế quy định, bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo quy định bảo đảm thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; có chính sách, chế độ đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phát huy năng lực chuyên môn, đóng góp trí tuệ thực hiện các nhiệm vụ.

2. Các cơ quan, đơn vị chức năng có trách nhiệm xây dựng quy hoạch tổng thể, bảo đảm cân đối, đồng bộ, có kế hoạch và biện pháp đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Quân đội.

Chương V

**THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, TRANH CHẤP,
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 82. Trách nhiệm tổ chức công tác thanh tra bảo vệ môi trường

1. Thanh tra quốc phòng chủ trì công tác thanh tra bảo vệ môi trường đối với các đối tượng thuộc quyền quản lý của thủ trưởng cấp mình.

2. Cơ quan quản lý môi trường các cấp có nhiệm vụ phối hợp với thanh tra quốc phòng cấp mình thực hiện công tác thanh tra bảo vệ môi trường:

a) Cử cán bộ chuyên môn tham gia đoàn thanh tra;

b) Cung cấp tài liệu, thông tin về hoạt động bảo vệ môi trường phục vụ công tác thanh tra.

Điều 83. Đối tượng của công tác thanh tra bảo vệ môi trường

Đối tượng của thanh tra bảo vệ môi trường trong Quân đội là các dự án đầu tư, cơ sở thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng²³.

Điều 84. Nhiệm vụ của cơ quan thực hiện công tác thanh tra bảo vệ môi trường

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về bảo vệ môi trường: tiêu chuẩn môi trường, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, quy định về phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng các thành phần môi trường của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong Quân đội.

2. Thanh tra các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, cá nhân trong Quân đội.

3. Thanh tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các ngành, các cơ quan, đơn vị Quân đội.

4. Phối hợp với cơ quan thanh tra bảo vệ môi trường của Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Giúp thủ trưởng cơ quan cùng cấp giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các tranh chấp về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Phối hợp với cơ quan quản lý môi trường, cơ quan chuyên ngành xác lập và báo cáo về các sự cố, ô nhiễm, suy thoái môi trường do các đơn vị Quân đội gây ra, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 85. Quyền hạn của cơ quan thực hiện công tác thanh tra bảo vệ môi trường

1. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu và giải trình những vấn đề cần thiết liên quan đến việc thanh tra.

2. Tiến hành các biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường.

3. Quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp có nguy cơ gây sự cố nghiêm trọng về môi trường và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó, đồng thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động có thể gây sự cố môi trường.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước và Bộ Quốc phòng xử lý các vi phạm.

²³ Cụm từ “có yêu cầu bí mật về quân sự, quốc phòng” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Điều 86. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện công tác thanh tra bảo vệ môi trường

1. Thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục thanh tra theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về thanh tra.
2. Kết luận nội dung thanh tra và kiến nghị với người chỉ huy cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra về biện pháp xử lý, ngăn ngừa và khắc phục các vi phạm.
3. Báo cáo với chỉ huy cơ quan có thẩm quyền về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp để người chỉ huy xem xét quyết định giải quyết.
4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết định xử lý của người chỉ huy.
5. Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan cấp trên về các kết luận của mình.

Điều 87. Quyền hạn, nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan

Đối tượng thanh tra và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ tạo điều kiện cho Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên thi hành nhiệm vụ, chấp hành các quyết định của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên theo quy định của pháp luật; có quyền khiếu nại về kết luận, kiến nghị và biện pháp xử lý của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên và các quyết định của người chỉ huy theo quy định của pháp luật.

Điều 88. Trách nhiệm tổ chức kiểm tra môi trường

1. Cục Khoa học quân sự có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các cơ sở trực thuộc Bộ Quốc phòng thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng²⁴.
2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Khoa học quân sự hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý môi trường tổ chức thực hiện công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng²⁵ thuộc cấp mình quyết định đầu tư, quản lý. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 điều này phê duyệt kế hoạch kiểm tra.

²⁴ Cụm từ “có yêu cầu bí mật về quân sự, quốc phòng” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

²⁵ Cụm từ “có yêu cầu bí mật về quân sự, quốc phòng” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Điều 89. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường

1. Cơ quan thanh tra quốc phòng, cơ quan quản lý môi trường các cấp theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tham mưu cho thủ trưởng cấp mình giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường.

2. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường liên quan đến các cơ quan, đơn vị Quân đội được thực hiện theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường, pháp luật khiếu nại, tố cáo và quy định của Bộ Quốc phòng.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 90. Bộ Tổng Tham mưu

1. Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phương án tác chiến, bố trí khu vực đóng quân trong từng giai đoạn cụ thể đảm bảo phù hợp, tránh những tác động bất lợi của các yếu tố môi trường và biến đổi khí hậu; tổ chức thực hiện việc lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong chiến lược, quy hoạch quốc phòng; chỉ đạo quản lý, sử dụng hợp lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho các hoạt động quân sự, quốc phòng.

2. Chỉ đạo tổ chức nghiên cứu kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường theo hướng nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường; chỉ đạo tổ chức nghiên cứu xác định mô hình tổ chức cơ quan môi trường trong Quân đội phù hợp với tình hình mới; chỉ đạo xây dựng và tổ chức lực lượng Quân đội ứng phó sự cố môi trường, biến đổi khí hậu; chỉ đạo tổ chức đào tạo nguồn nhân lực, bảo đảm trang thiết bị, phương tiện đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Chỉ đạo xây dựng các văn bản quy định, hướng dẫn xây dựng lực lượng, bố trí nguồn lực, trang thiết bị ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; chỉ đạo việc tổ chức, bố trí, sử dụng lực lượng Quân đội tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Bộ Quốc phòng trả lời ý kiến đối với các dự án có liên quan đến quân sự, quốc phòng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Chỉ đạo thực hiện việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý; thực hiện các hoạt động quản lý môi trường theo phân cấp quy định trong Điều lệ này.

Điều 91. Tổng cục Chính trị

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong toàn quân; tổ chức hoạt động nhằm phát huy trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp

về bảo vệ môi trường để ngăn chặn xảy ra các vấn đề ô nhiễm, sự cố môi trường và chủ động ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

2. Chỉ đạo tổ chức, hướng dẫn việc xem xét ý thức trách nhiệm và kết quả bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân và người đứng đầu các cấp trong Quân đội.

3. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý; thực hiện các hoạt động quản lý môi trường theo phân cấp quy định trong Điều lệ này.

Điều 92. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật²⁶

1.²⁷ Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách và biện pháp bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường cho các cơ quan, đơn vị trong toàn quân; chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật Quân đội.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị bảo đảm các yêu cầu trong thiết kế, xây dựng, quản lý doanh trại thích ứng với điều kiện môi trường và biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn công tác quản lý chất thải sinh hoạt (chất thải rắn, nước thải, bụi, khí thải phát sinh trong sinh hoạt của bộ đội ở nơi đóng quân) của các cơ quan, đơn vị trong Quân đội bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường và các quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo thực hiện việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý; thực hiện các hoạt động quản lý môi trường theo phân cấp quy định trong Điều lệ này.

5. Chỉ đạo Cục Quân y

a) Tham mưu, tổ chức thực hiện công tác quản lý, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở khám chữa bệnh do Quân đội quản lý đảm bảo thực hiện quy định quản lý chất thải ngành y tế;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện đề án, dự án xử lý chất thải tại các cơ sở y tế trong Quân đội nhằm đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

²⁶ Cụm từ “Tổng cục Hậu cần” được sửa đổi, bổ sung bởi cụm từ “Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

c) Tổ chức phối hợp với cơ sở y tế của Nhà nước nghiên cứu xây dựng cơ sở khám và điều trị các nạn nhân chất độc hóa học/dioxin; tổ chức, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh do ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu gây ra liên quan đến các cơ quan, đơn vị Quân đội.

Điều 93.²⁸ (được bãi bỏ)

Điều 94. Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong ngành công nghiệp quốc phòng; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ môi trường, tổ chức nghiên cứu áp dụng sản xuất sạch hơn, tái sử dụng năng lượng và chất thải trong công nghiệp quốc phòng.

2. Chỉ đạo thực hiện việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý; thực hiện các hoạt động quản lý môi trường theo phân cấp quy định trong Điều lệ này.

Điều 95. Cục Khoa học quân sự

1. Tham mưu giúp Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường trong toàn quân.

2. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Quốc phòng; quản lý các nhiệm vụ, chương trình, đề tài, dự án, đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định.

3. Tổ chức giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên cơ quan, đơn vị Quân đội; chỉ đạo nghiệp vụ và hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn công tác lập, thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường; thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường cho các cơ quan, đơn vị theo quy định phân cấp trong Điều lệ.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện hoạt động quan trắc môi trường ngành và hoạt động quan trắc môi trường quốc gia; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin môi trường trong Quân đội; chỉ đạo, tổ chức xây dựng báo cáo kết quả công tác bảo vệ môi trường của Bộ Quốc phòng.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép môi trường cho các cơ quan, đơn vị trong Quân đội.

²⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

7. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động quản lý chất thải, quản lý tài nguyên nước, kiểm soát ô nhiễm môi trường, cải thiện và phục hồi môi trường, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xử lý tồn lưu chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh, bảo tồn đa dạng sinh học, điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, đảo, quản lý an toàn và kiểm soát bức xạ.

8. Tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp với Thanh tra Bộ Quốc phòng thực hiện công tác thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong Quân đội, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan theo thẩm quyền. Đối với vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, kiến nghị và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra hình sự có thẩm quyền trong Quân đội giải quyết theo quy định.

9. Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Điều lệ công tác Khoa học và Công nghệ Quân đội nhân dân Việt Nam; nghiên cứu lý luận, nghiệp vụ về quản lý môi trường trong Quân đội.

10. Phối hợp với cơ quan chính trị, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường trong Quân đội, ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng xây dựng tiềm lực, tổ chức công tác hợp tác trong nước và nước ngoài về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 96.²⁹ (được bãi bỏ)

Điều 97. Cục Tài chính³⁰

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí bảo vệ môi trường đối với các cơ quan, đơn vị trong Quân đội; bảo đảm các nguồn lực đầu tư để thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo định hướng được ưu tiên dài hạn và hằng năm theo các quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tham mưu, quản lý các nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Quân đội theo quy định của Luật Ngân sách và Điều lệ Công tác tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn chủ đầu tư đảm bảo mức, cơ cấu đầu tư cho các hạng mục công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của các chương trình, đề án, dự án đầu tư trong Quân đội nhằm bảo

²⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

³⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

đảm đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; phối hợp với Cục Khoa học quân sự hướng dẫn thực hiện các quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án của Bộ Quốc phòng.

4. Quản lý, hướng dẫn sử dụng, chi tiêu thanh quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong Quân đội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công tác tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 98. Thanh tra Bộ Quốc phòng

1.³¹ Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong Quân đội, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường liên ngành hoặc liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong Quân đội. Chủ trì, phối hợp với Cục Khoa học quân sự, Thanh tra các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Quân đội.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho thanh tra quốc phòng các cấp thực hiện việc thanh tra, giải quyết các vi phạm pháp luật, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường liên quan đến các cơ quan, đơn vị.

Điều 99. Binh chủng Hóa học

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cơ quan chức năng của Nhà nước chỉ đạo ứng phó với các sự cố, thảm họa về môi trường liên quan đến hoạt động quân sự; tổ chức quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến lĩnh vực quân sự, quốc phòng và an ninh quốc gia do các tác nhân hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân; khắc phục hậu quả của chất độc hóa học/dioxin đối với con người và môi trường.

2. Tổ chức công tác ứng phó với sự cố môi trường do các tác nhân hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân, vũ khí hủy diệt lớn.

3. Nghiên cứu, làm chủ công nghệ, tổ chức xử lý chất độc hóa học/dioxin, CS tồn lưu sau chiến tranh.

4. Tham mưu cho Thủ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo bố trí trang thiết bị, phương tiện bảo đảm cho lực lượng ứng phó sự cố môi trường.

Điều 100. Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong Quân đội

Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong Quân đội trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm đề xuất và tổ chức công tác nghiên cứu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo các nội dung được quy định trong Điều lệ này; xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

Điều 101. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý;

b) Tổ chức thực hiện việc lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý; chỉ đạo quản lý, sử dụng hợp lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho các hoạt động quân sự, quốc phòng;

c) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ nhằm giải quyết các vấn đề môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; định kỳ hằng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kết quả thực hiện;

d) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và cấp giấy phép môi trường theo quy định phân cấp trong Điều lệ này;

đ) Tổ chức thực hiện công tác ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, hoạt động ứng phó, thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu;

e) Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý; thực hiện việc thanh tra công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Quốc phòng;

g) Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Tổ chức công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Tổ chức các hoạt động hợp tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo chức năng, phạm vi quản lý.

2. Phòng, ban khoa học quân sự hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ môi trường có trách nhiệm tham mưu cho thủ trưởng cấp mình tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 102. Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện

Chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Quân đội có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện các quy định của Điều lệ này; kịp thời phát hiện những vi phạm Điều lệ này để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

Điều 103. Chế độ báo cáo

1. Trách nhiệm xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu:

a) Các cơ quan, đơn vị Quân đội có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu hằng năm của đơn vị mình gửi cấp trên;

b) Cơ quan quản lý, bảo vệ môi trường, cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường các cấp có trách nhiệm tham mưu cho thủ trưởng cấp mình và tổ chức xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu hằng năm.

2. Phân cấp xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu:

a) Cấp Bộ Quốc phòng: Do Cục Khoa học quân sự tổ chức xây dựng. Thời gian báo cáo Bộ Quốc phòng trước ngày 05 tháng 02 hằng năm. Cục Khoa học quân sự tổng hợp, lựa chọn những nội dung cần thiết và không thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng³², xây dựng báo cáo của Bộ Quốc phòng gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường³³ theo quy định;

b) Cấp trực thuộc Bộ: Do Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục, quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, binh đoàn, học viện, nhà trường, các đơn vị đầu mối khác trực thuộc Bộ Quốc phòng xây dựng. Thời gian báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Khoa học quân sự) trước ngày 20 tháng 01 hằng năm;

c) Cấp cơ sở: Do các nhà máy, xí nghiệp, tổng công ty, công ty, các cơ sở sản xuất, sửa chữa, kinh doanh; các bệnh viện quân y, các kho quân sự; các trung tâm huấn luyện; trại giam, sân bay, cảng quân sự, các đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương xây dựng. Thời gian báo cáo cơ quan cấp trực thuộc Bộ trước ngày 05 tháng 01 hằng năm.

3. Kỳ báo cáo của các cơ quan, đơn vị được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

4. Nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan, đơn vị:

³² Cụm từ “có yêu cầu bí mật” đã được thay thế bởi cụm từ “thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

³³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

a) Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Quốc phòng, cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng gồm: thông tin chung về cơ quan, đơn vị (tóm tắt chức năng, nhiệm vụ, địa bàn hoạt động, các loại hình hoạt động quân sự, quốc phòng, kinh tế); thông kê hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm môi trường; tình hình xử lý ô nhiễm môi trường của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý; tình hình thực hiện công tác quản lý, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tình hình chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; định hướng công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; kết luận và kiến nghị giải quyết những vấn đề cấp bách của cơ quan, đơn vị;

b) Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của đơn vị cơ sở gồm: thông tin chung về đơn vị (địa điểm đóng quân, chức năng nhiệm vụ, quy mô, công suất, nguyên vật liệu, sản phẩm); hiện trạng các nguồn thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại), lưu lượng thải, các thông số về nguồn thải, nguồn gây tác động môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đã thực hiện; tình hình thực hiện các hoạt động về ứng phó biến đổi khí hậu; tình hình thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; kết luận và kiến nghị giải quyết những vấn đề cấp bách của đơn vị.

Điều 104. Điều khoản viện dẫn thực hiện

Trường hợp văn bản viện dẫn trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 105. Kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn thực hiện

Cục Khoa học quân sự có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Điều lệ này; hướng dẫn áp dụng các mẫu biểu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường³⁴ liên quan đến việc thực hiện những quy định của Điều lệ này cho phù hợp với các cơ quan, đơn vị trong Quân đội; định kỳ báo cáo Bộ Quốc phòng kết quả thực hiện./.

³⁴ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

Phụ lục I
CÁC MẪU BIỂU PHỤC VỤ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ
THẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC
TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG³⁵

*(Ban hành kèm theo Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường
của Quân đội nhân dân Việt Nam)*

Mẫu số 01. Công văn của Chủ dự án đầu tư đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN
HÀNH VĂN BẢN (2)

Số:/.....

V/v đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường của dự án (4)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
(3), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (5)

(2) là chủ dự án đầu tư của dự án (4).

Dự án (4) đã được (6) phê duyệt/chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phê duyệt/chấp thuận chủ trương đầu tư).

Hoặc Dự án (4) đã được (6) cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

Dự án (4) thuộc thẩm quyền phê duyệt đầu tư của

Địa điểm thực hiện dự án (4): Xã/ phường... tỉnh/thành phố...

Địa chỉ, điện thoại liên hệ (ghi của người được giao trực tiếp thực hiện): ...

Dự án (4) thuộc số thứ tự ... Phụ lục III hoặc số thứ tự ... Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định tại (7).

(2) xin gửi đến (5) hồ sơ gồm:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng).

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (07 bản).

³⁵ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

(2) cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, (2) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (5) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (4) (*trường hợp chủ dự án đầu tư gửi trực tiếp cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*) hoặc Đề nghị (5) xem xét, gửi Cục Khoa học quân sự để thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Khoa học quân sự và chủ dự án đầu tư không phải cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, gửi về cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng*).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(9)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (8)**
(*Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số*)
Cấp bậc, họ và tên

Phụ lục

(*Kèm theo Công văn số... ngày... tháng... năm... của (2)*)

1. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo liệt kê tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP):

1.1. Là loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:

Công suất: Lớn Trung bình Nhỏ

1.2. Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:

- Dự án quan trọng quốc gia Nhóm A Nhóm B Nhóm C

- Quy mô diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước (theo liệt kê tại Phụ lục III hoặc Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

Lớn Trung bình Nhỏ

- Thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển để lấn biển theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo:

Thủ tướng Chính phủ Bộ NN&MT UBND cấp tỉnh/thành phố

- Thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác và sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước:

UBND cấp tỉnh/thành phố Bộ NN&MT

2. Yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án:

- Nằm trên phường của đô thị đặc biệt, đô thị khác theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị: Có Không

- Có sử dụng đất, đất có mặt nước của: khu bảo tồn thiên nhiên ; rừng đặc

dụng ; rừng phòng hộ ; đất có rừng tự nhiên ; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản ; vùng đất ngập nước quan trọng ; khu dự trữ sinh quyển ; di sản thiên nhiên thế giới ; thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7a Phụ lục III hoặc a, b, c, d cột (3) số thứ tự 5a Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP

- Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của: khu bảo tồn thiên nhiên ; di sản thiên nhiên thế giới ; khu dự trữ sinh quyển ; vùng đất ngập nước quan trọng ; rừng đặc dụng ; rừng phòng hộ ; đất có rừng tự nhiên ; thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7b Phụ lục III hoặc điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 5b Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP

- Có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt: Có Không

- Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt: Có Không

3. Thông tin khác:

- Dự án có xả nước thải vào công trình thủy lợi: Có Không

+ Tên công trình thủy lợi:

+ Tên cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi:

- Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của: ... (*Ghi tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định*)... theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026.

- Dự án đề nghị xác nhận thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:

Có Không

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);

(2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản (Chủ dự án đầu tư);

(3) Địa danh (cấp tỉnh);

(4) Tên dự án;

(5) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (hoặc cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng trong trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Khoa học quân sự và chủ dự án đầu tư không phải cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng);

(6) Tên cơ quan phê duyệt/chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư hoặc cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

(7) Ghi rõ căn cứ xác định Dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng;

(8) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);

(9) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 02. Công văn đề nghị thẩm định của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (trường hợp chủ dự án đầu tư không phải là cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng).

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2) (3), ngày ... tháng ... năm ...
Số:/.....

V/v đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường của dự án (4)

Kính gửi: Cục Khoa học quân sự.

(2) nhận được Công văn số ... ngày.../.../... của (5) về việc đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (4).

Sau khi xem xét, rà soát hồ sơ, (2) nhận thấy: Dự án (4) do (5) làm chủ dự án đầu tư, được thực hiện tại phường/xã... tỉnh/thành phố... thuộc số thứ tự ... Phụ lục III (hoặc số thứ tự ... Phụ lục IV) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định tại (6); Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Khoa học quân sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

(2) gửi đến Cục Khoa học quân sự hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án gồm:

- Công văn số ... ngày... của (5) đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng).

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (07 bản).

Đề nghị Cục Khoa học quân sự tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (4).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(8)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (7)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng ban hành văn bản;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên dự án;
- (5) Tên cơ quan, đơn vị là Chủ dự án đầu tư;
- (6) Ghi rõ căn cứ xác định Dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng;
- (7) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (8) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 03. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp không có đoàn khảo sát)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2) (4), ngày ... tháng ... năm ...
 Số:/QĐ- (3)

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án (5)

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số... ngày... /... /... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (14);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Căn cứ (7);

Theo đề nghị của (8).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án (5) do (9) làm chủ dự án đầu tư. Chỉ định và mời các đồng chí tham gia Hội đồng:

(10)

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nói trên để tư vấn cho (11) phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng được sử dụng từ khoản thu phí thẩm định theo quy định của Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Điều 3. Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ và bảo đảm các điều kiện thuận lợi để Hội đồng làm việc theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Hội đồng, các thành viên trong Hội đồng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ...;
- Chủ tịch và thành viên HĐ (7b);
- Lưu: ...

(13)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (12)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản (là cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường);
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định;
- (4) Địa danh (cấp tỉnh);
- (5) Tên dự án;
- (6) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền;
- (7) Ghi căn cứ công văn đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (căn cứ Công văn số... ngày... của... về việc...);
- (8) Cấp trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp đề nghị;
- (9) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư;
- (10) Ghi danh sách thành viên hội đồng (cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong hội đồng; ví dụ: Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn A, Phó Viện trưởng Viện B: Ủy viên phân biện 1);
- (11) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (12) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (13) Độ mật của văn bản;
- (14) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Mẫu số 04. Quyết định thành lập Hội đồng, đoàn khảo sát phục vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp có đoàn khảo sát)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 HẠNH VĂN BẢN (2) (4), ngày... tháng... năm...
 Số:/QĐ- (3)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng, Đoàn khảo sát phục vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án (5)

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số ... ngày... /... /... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (2);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Căn cứ (7);

Theo đề nghị của (8).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng và Đoàn khảo sát phục vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án (5) do (9) làm chủ dự án đầu tư. Chỉ định và mời các đồng chí tham gia Hội đồng:

1. Hội đồng thẩm định

(10)

2. Đoàn khảo sát

(11)

Điều 2. Nhiệm vụ của Hội đồng, Đoàn khảo sát

1. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nói trên để tư vấn cho (12) phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành

nhiệm vụ. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng được sử dụng từ khoản thu phí thẩm định theo quy định của Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

2. Đoàn khảo sát có trách nhiệm khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án tại (13) theo kế hoạch được Thủ trưởng (2) phê duyệt; bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để phục vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Chi phí cho hoạt động của Đoàn khảo sát được bảo đảm từ khoản thu phí thẩm định theo quy định. Đoàn khảo sát tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ và bảo đảm các điều kiện thuận lợi để Hội đồng làm việc theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Hội đồng, trưởng Đoàn khảo sát, các thành viên trong Hội đồng, thành viên trong Đoàn khảo sát, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ...;
- Chủ tịch và thành viên HĐ (7b);
- Lưu: ...

(15)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản (ở đây là cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường);
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định;
- (4) Địa danh (cấp tỉnh);
- (5) Tên dự án;
- (6) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền;
- (7) Ghi căn cứ công văn đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (căn cứ Công văn số... ngày... của... về việc...);
- (8) Cấp trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp đề nghị;
- (9) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư;
- (10) Ghi danh sách thành viên hội đồng (cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong hội đồng; ví dụ: Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn A, Phó Viện trưởng Viện B: Ủy viên phản biện 1);
- (11) Ghi danh sách thành viên Đoàn khảo sát (cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong Đoàn khảo sát; ví dụ: Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn A, Phó Viện trưởng Viện B: Trưởng đoàn);
- (12) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (13) Ghi địa điểm đi khảo sát thực tế khu vực thực hiện Dự án (xã/phường..., tỉnh/thành phố...);
- (14) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (15) Độ mặt của văn bản;

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (14)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Mẫu số 05. Quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định đối với dự án đầu tư công đặc biệt

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 HÀNH VĂN BẢN (2) (4), ngày... tháng... năm...
 Số:/QĐ- (3)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (5)

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số ... ngày... /... /... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (7);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Căn cứ (8);

Xét Văn bản số ... ngày ... /... /... của ... về việc đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (5);

Theo đề nghị của (9).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chỉ định và mời các đồng chí có tên sau đây vào danh sách chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (5):

(10)

Điều 2. Chuyên gia được lấy ý kiến có nhiệm vụ xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (5), chịu trách nhiệm trước (6) và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường và gửi kết quả cho (6).

Điều 3. Chi phí hoạt động lấy ý kiến thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (5) được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. (9), (11) và các chuyên gia có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- (9);
- ...;
- Lưu: ...

(13)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (12)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản;
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định;
- (4) Địa danh (cấp tỉnh);
- (5) Tên dự án;
- (6) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền;
- (7) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (8) Ghi căn cứ công văn đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (căn cứ Công văn số... ngày... của... về việc...);
- (9) Cấp trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp đề nghị;
- (10) Ghi danh sách chuyên gia (cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong hội đồng; ví dụ: Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn A, Phó Viện trưởng Viện B);
- (11) Chức danh của Thủ trưởng cơ quan được giao tổ chức thẩm định
- (12) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (13) Độ mật của văn bản

Mẫu số 06. Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án**

Tên dự án: ...

Chủ dự án đầu tư: ...

Thời gian khảo sát: Ngày... tháng... năm...

1. Thành phần tham gia:

a) Các thành viên Đoàn khảo sát

(Ghi rõ cấp bậc, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong Đoàn khảo sát thực tế của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có), thành viên đoàn);

b) Đại diện chủ dự án đầu tư

(Ghi rõ cấp bậc, họ và tên, chức vụ của tất cả các thành viên của chủ dự án đầu tư tham dự họp, trường hợp uỷ quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên, ngày tháng của văn bản uỷ quyền)

c) Đại biểu

*(Ghi rõ cấp bậc, họ và tên, chức vụ, nơi công tác của đơn vị tư vấn và đại biểu tham dự họp)***2. Nội dung khảo sát:**

2.1. Thông tin chung về dự án trên thực tế:

- Vị trí khu vực thực hiện dự án;
- Hiện trạng khu vực thực hiện dự án;
- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường xung quanh, khu vực thực hiện dự án (nếu có).

2.2. Các vấn đề môi trường chính cần quan tâm của dự án.

3. Ý kiến của thành viên Đoàn khảo sát:

.....

4. Ý kiến của đại diện chủ dự án:

.....

5. Kết luận của Trưởng Đoàn khảo sát:

.....

Biên bản được hoàn thành vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm... tại khu vực thực hiện dự án; đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe; đã được thống nhất giữa các bên liên quan và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

ĐOÀN KHẢO SÁT

TRƯỞNG ĐOÀN

(Chữ ký/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

THÀNH VIÊN ĐOÀN KHẢO SÁT

Thành viên Đoàn khảo sát

1. Cấp bậc, họ và tên
2. Cấp bậc, họ và tên
3. Cấp bậc, họ và tên

...

Chữ ký

...

...

...

...

Nơi nhận:

-

- Lưu:

(1)

Ghi chú:

- (1) Độ mật của văn bản

Mẫu số 07. Bản nhận xét báo cáo đánh giá tác động môi trường**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN NHẬN XÉT
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG****I. Thông tin của thành viên hội đồng thẩm định/chuyên gia**

1. Họ và tên người nhận xét:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác (*tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail*):
4. Chức danh trong hội đồng (*trường hợp là chuyên gia thì ghi "Chuyên gia theo Quyết định số..."*):
5. Tên dự án:

II. Ý kiến thẩm định

1. Ý kiến thẩm định chung (yêu cầu đối với tất cả ủy viên Hội đồng/chuyên gia; trường hợp ý kiến thẩm định tại các nội dung dưới đây được đánh không phù hợp, đề nghị nêu rõ lý do).

1.1. Sự phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường; sự phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường

.....

.....

.....

b) Sự phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

.....

.....

.....

1.2. Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá tác động môi trường; phương pháp đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); phương pháp khác được sử dụng (nếu có)

a) Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá tác động môi trường

.....
.....
.....

b) Sự phù hợp của phương pháp đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

.....
.....
.....

c) Sự phù hợp của phương pháp khác được sử dụng (nếu có)

.....
.....
.....

1.3. Sự phù hợp về việc nhận dạng, xác định công nghệ, các hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường; các hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); các hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)

a) Sự phù hợp về việc nhận dạng, xác định công nghệ, các hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

.....
.....
.....

b) Sự phù hợp về việc nhận dạng, xác định các hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

.....
.....
.....

c) Sự phù hợp về việc nhận dạng, xác định các hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch (nếu có)

.....
.....
.....

1.4. Sự phù hợp của kết quả đánh giá hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học; hiện trạng lòng, bờ, bãi sông, hồ bị tác động (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); hiện trạng sông, suối, kênh, mương, rạch bị lấn, lấp (nếu có); nhận dạng đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư (nếu có)

a) Sự phù hợp của kết quả đánh giá hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học

.....
.....
.....

b) Sự phù hợp của kết quả đánh giá hiện trạng lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

.....
.....
.....

c) Sự phù hợp của kết quả đánh giá hiện trạng sông, suối, kênh, mương, rạch bị lấn, lấp (nếu có)

.....
.....
.....

d) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư (nếu có)

.....
.....
.....
.....

1.5. Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo các tác động chính, chất thải phát sinh từ dự án đầu tư đến môi trường; tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có); dự báo sự cố môi trường; dự báo sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); dự báo sự cố tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)

a) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo các tác động chính, chất thải phát sinh từ dự án đầu tư đến môi trường

.....
.....
.....

b) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

.....
.....
.....

c) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch (nếu có)

.....
.....
.....

d) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo sự cố môi trường

.....
.....
.....

đ) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

.....
.....
.....

e) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo sự cố tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch (nếu có)

.....
.....
.....

1.6. Sự phù hợp, tính khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án thực hiện, các yêu cầu và điều kiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu

thông nước, khai thác, sử dụng nước) đối với hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động do hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)

a) Sự phù hợp, tính khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

.....
.....
.....

b) Sự phù hợp, tính khả thi của phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có)

.....
.....
.....

c) Sự phù hợp, tính khả thi của phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

.....
.....
.....

d) Sự phù hợp, tính khả thi của phương án thực hiện, các yêu cầu và điều kiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

.....
.....
.....

đ) Sự phù hợp, tính khả thi của biện pháp khắc phục đối với hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch (nếu có)

.....
.....
.....

e) Sự phù hợp, tính khả thi của phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

.....
.....
.....

g) Sự phù hợp, tính khả thi của phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

.....
.....
.....

h) Sự phù hợp, tính khả thi của phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động do hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch (nếu có)

.....
.....
.....

1.7. Sự phù hợp của dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường theo quy định để được xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh)

.....
.....
.....

1.8. Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường; tính đầy đủ, khả thi đối với các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư

.....
.....
.....

2. Đối với ủy viên phản biện

Ngoài các ý kiến thẩm định chung như đối với tất cả ủy viên Hội đồng, Ủy viên phản biện cần có thêm các nhận xét, đánh giá sau:

- Nhận xét, đánh giá về căn cứ pháp lý, kỹ thuật của Dự án.

.....
.....
.....

- Chi tiết về nội dung chuyên môn, kỹ thuật của báo cáo ĐTM theo tính chất của dự án đầu tư.

.....
.....
.....

- Yêu cầu đối với dự án khi xem xét phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

.....
.....
.....

3. Đối với Ủy viên đại diện cơ quan, đơn vị

Ngoài các ý kiến thẩm định chung như đối với tất cả ủy viên Hội đồng, ủy viên đại diện cơ quan, đơn vị cần có thêm nhận xét, đánh giá nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư liên quan đến phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình đại diện.

.....
.....
.....

4. Đối với trường hợp thẩm định theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia

Chuyên gia nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua.

(*Tỉnh, thành phố*), ngày... tháng... năm...

NGƯỜI NHẬN XÉT

(*chữ ký*)

Cấp bậc, họ và tên

Nơi nhận:

- (1)
- Lưu:...

(2)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (2) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 08. Biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Tên báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án (1)

Chủ dự án đầu tư: ...

Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số/..... ngày ... tháng ... năm ... của (2)

Thời gian họp: Ngày ... tháng ... năm ...

Địa điểm: (3).

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ PHIÊN HỌP:

1. Hội đồng thẩm định

(Ghi danh sách thành viên Hội đồng: cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, đơn vị công tác, chức danh trong Hội đồng)

- Hội đồng có mặt: .../... đồng chí, vắng (đ/c... Lý do:...), đủ điều kiện tiến hành phiên họp.

2. Đại diện chủ dự án đầu tư

(Ghi rõ cấp bậc, họ và tên, chức vụ của tất cả các thành viên của chủ dự án đầu tư tham dự họp, trường hợp uỷ quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên, ngày tháng của văn bản uỷ quyền)

3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

(Ghi rõ cấp bậc, họ tên, học vị và chức vụ của đại diện đơn vị tư vấn tham dự họp và các thành viên tham dự họp).

4. Đại biểu tham dự (nếu có):

II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN PHIÊN HỌP:

1. Công tác tổ chức

- Đồng chí ... - Thư ký Hội đồng thông báo lý do phiên họp, giới thiệu thành phần tham dự, đọc quyết định thành lập Hội đồng;

- Đồng chí - Chủ tịch Hội đồng thống nhất chương trình và điều hành phiên họp.

2. Chủ dự án đầu tư và đơn vị tư vấn trình bày nội dung báo cáo

- Đồng chí.... - Đại diện chủ dự án đầu tư trình bày tóm tắt dự án....

- Đồng chí ... - Đại diện đơn vị tư vấn trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án.

3. Các thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến về các vấn đề, gồm:

(Ghi tóm tắt các vấn đề phát biểu ý kiến của các thành viên Hội đồng)

4. Ý kiến của đại biểu tham dự (nếu có)

5. Chủ dự án đầu tư trả lời, giải trình các ý kiến nhận xét của Hội đồng:

Đồng chí..., đại diện chủ dự án đầu tư và đồng chí... đại diện đơn vị tư vấn (nếu có) trả lời một số câu hỏi của Thành viên Hội đồng đối với báo cáo ĐTM của Dự án:

(Ghi các nội dung trả lời của chủ dự án đầu tư, đơn vị tư vấn)

III. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

(Kết luận của Hội đồng về những nội dung sau: (1) Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường; sự phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; (2) Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá tác động môi trường; phương pháp đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); phương pháp khác được sử dụng (nếu có); (3) Sự phù hợp về việc nhận dạng, xác định công nghệ, các hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường; các hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); các hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có); (4) Sự phù hợp của kết quả đánh giá hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học; hiện trạng lòng, bờ, bãi sông, hồ bị tác động (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); hiện trạng sông, suối, kênh, mương, rạch bị lấn, lấp (nếu có); nhận dạng đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư (nếu có); (5) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo các tác động chính, chất thải phát sinh từ dự án đầu tư đến môi trường; tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có); dự báo sự cố môi trường; dự báo sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); dự báo sự cố tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có); (6) Sự phù hợp, tính khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án thực hiện, các yêu cầu và điều kiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) đối với hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) (nếu có); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động do hoạt động lấn, lấp

sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có); (7) Sự phù hợp của dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường theo quy định để được xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh); (8) Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường; tính đầy đủ, khả thi đối với các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư.)

1. Những nội dung đạt yêu cầu: (Ghi rõ những nội dung đạt yêu cầu theo 08 nhóm nội dung in nghiêng trên).

2. Những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa: (Ghi rõ những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa theo 08 nhóm nội dung in nghiêng trên).

3. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng thẩm định (nếu có): (Ghi những nội dung chưa thống nhất giữa các thành viên Hội đồng).

IV. Ý KIẾN CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỀ KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

(Ghi ý kiến của chủ dự án đầu tư về kết luận của Hội đồng)

V. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU THẨM ĐỊNH

1. Kết quả kiểm phiếu

- Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung: .../....
- Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: .../...
- Số phiếu đánh giá không thông qua báo cáo: .../....

2. Kết quả thẩm định

Ghi một trong các trường hợp sau: Hội đồng nhất trí thông qua báo cáo ĐTM của Dự án với điều kiện phải chỉnh sửa theo các vấn đề tại Mục III.2 hoặc Hội đồng nhất trí thông qua báo cáo ĐTM của Dự án hoặc Hội đồng nhất trí không thông qua báo cáo ĐTM của Dự án.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG

Trên cơ sở kết quả thẩm định tại Mục V.2, Hội đồng lựa chọn ghi theo 01 trong 03 trường hợp sau:

Trường hợp 1: Hội đồng nhất trí thông qua báo cáo ĐTM (không cần chỉnh sửa bổ sung)

Hội đồng kiến nghị (2) xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án.

Trường hợp 2: Hội đồng nhất trí thông qua báo cáo ĐTM của Dự án với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung

1. Hội đồng đề nghị chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung các nội dung theo ý kiến của Hội đồng tại Mục III.2.

2. Hội đồng kiến nghị (2) xem xét trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án sau khi chủ dự án đầu tư hoàn thiện các

nội dung theo ý kiến của Hội đồng tại Mục III.2.

Trường hợp 3: Hội đồng nhất trí không thông qua báo cáo ĐTM

1. Hội đồng đề nghị chủ đầu tư lập lại báo cáo ĐTM theo quy định.
2. Hội đồng kiến nghị (2) xem xét, thông báo kết quả cho chủ dự án đầu tư.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi họ và tên)

Nơi nhận:

-

- Lưu:

(4)

Ghi chú:

- (1) Tên dự án;
- (2) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (3) Tên cơ quan, đơn vị, địa chỉ của cơ quan, đơn vị nơi tổ chức hội đồng;
- (4) Độ mật của văn bản.

Chủ tịch hội đồng và Thư ký hội đồng ký phía dưới của từng trang biên bản (trừ trang cuối) hoặc đóng giáp lai các trang

Mẫu số 09. Phiếu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
 HÀNH VĂN BẢN (2)

(3), ngày...tháng...năm...

(đóng dấu treo của cơ quan thành
 lập hội đồng hoặc cơ quan được
 giao tổ chức thẩm định)

**PHIẾU THẨM ĐỊNH
 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

1. Họ và tên: ...
2. Nơi công tác: (tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax)
3. Lĩnh vực chuyên môn: (Chỉ ghi tối đa 02 lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm nhất và liên quan đến việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường)
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: ...
5. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: Số ... ngày ... tháng ... năm ... của
6. Tên dự án:...
7. Ý kiến thẩm định về báo cáo đánh giá tác động môi trường (lựa chọn bằng cách ký tên vào 01 trong 03 mức: 7.1; 7.2 hoặc 7.3 sau đây):
 - 7.1. Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:
 - 7.2. Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:
 - 7.3. Không thông qua:
8. Các nội dung cập nhật, thay đổi so với bản nhận xét (nếu có)

9. Kiến nghị và yêu cầu đối với dự án khi xem xét phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

(3), ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI VIẾT PHIẾU THẨM ĐỊNH
 (Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);

Mẫu số 10. Công văn thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (trường hợp thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2)

(3), ngày...tháng...năm...

Số:/.....

V/v thông báo kết quả thẩm định
đánh giá tác động môi trường dự án
do (4) làm chủ dự án đầu tư

Kính gửi: (4).

(2) nhận được Công văn số ... ngày.../.../... của (5) (hoặc (4)) về việc đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của (6) do (4) làm chủ dự án đầu tư.

(2) đã tổ chức Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án vào ngày .../.../... (hoặc (2) đã tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tại Quyết định số ... ngày.../.../...). Hội đồng (hoặc các chuyên gia) đã nhất trí thông qua nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án với điều kiện phải chỉnh sửa một số nội dung để bảo đảm yêu cầu theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định (hoặc các chuyên gia) và các văn bản quy định, (2) thông báo để (4) hoàn chỉnh hồ sơ của Dự án theo những nội dung như sau:

1. Rà soát, bổ sung vào ... của Báo cáo ĐTM:

2. ...

(*Nêu các nội dung đề nghị (4) chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình để hoàn thiện báo cáo ĐTM của Dự án*)

(4) hoàn chỉnh Báo cáo ĐTM của Dự án, gửi Hồ sơ về (2) trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày nhận được Văn bản thông báo kết quả thẩm định này để làm căn cứ trình phê duyệt báo cáo ĐTM theo quy định, gồm: i) Công văn của chủ dự án đầu tư giải trình những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung; ii) Một (01) cuốn Báo cáo ĐTM của Dự án, kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (gồm cả báo cáo chính và phụ lục).

(2) gửi ý kiến thẩm định để (4) thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

(8)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (7)**

(*Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số*)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư;
- (5) Cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng là cơ quan chủ quản của chủ dự án đầu tư;
- (6) Tên dự án
- (7) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (8) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 11. Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (trường hợp không thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2)

(3), ngày...tháng...năm...

Số: /.....

V/v thông báo kết quả thẩm định
đánh giá tác động môi trường dự án
do (4) làm chủ dự án đầu tư

Kính gửi: (4).

(2) nhận được Công văn số..... ngày.../.../... của (5) (hoặc (4)) về việc đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của (6) do (4) làm chủ dự án đầu tư.

(2) đã tổ chức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án vào ngày .../.../... (hoặc (2) đã tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tại Quyết định số ... ngày.../.../...). Hội đồng (hoặc các chuyên gia) đã nhất trí không thông qua báo cáo ĐTM. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định (hoặc ý kiến của các chuyên gia) và các văn bản quy định, (2) trả hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM của (4). Lý do: (nêu rõ lý do).

(2) gửi ý kiến thẩm định để (4) thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(8)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (7)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư;
- (5) Cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng là cơ quan chủ quản của chủ dự án đầu tư;
- (6) Tên dự án;
- (7) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (8) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 12. Công văn giải trình nội dung chỉnh sửa, hoàn chỉnh và đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN
HÀNH VĂN BẢN (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3), ngày...tháng...năm...

Số: /.....

V/v giải trình và đề nghị phê duyệt
kết quả thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường của (4)

Kính gửi: (5).

(6) nhận được Công văn số (7) về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, (6) (chủ dự án đầu tư) trân trọng gửi đến (5) hồ sơ gồm:

1. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của (4) đã được bổ sung, chỉnh sửa; kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục (nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục được (6) ký số (nếu nộp trực tuyến);

(6) ký vào phía dưới của từng trang (hoặc đóng giáp lai) kể cả phụ lục.

2. Chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung theo Công văn số (7) (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

(6) cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, (6) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (5) xem xét, trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (4).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

(9)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (8)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Phụ lục
NỘI DUNG CHỈNH SỬA, BỔ SUNG, GIẢI TRÌNH THEO NỘI DUNG
TẠI CÔNG VĂN SỐ (7)

(Kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (1))

STT	Nội dung đề nghị chỉnh sửa, bổ sung theo Công văn số... ngày.../.../... của.... (7)	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung tại mục/trang của báo cáo ĐTM
I	MỞ ĐẦU		
1	
2	
II	CHƯƠNG I		
1		
2		
III		
....			
....			

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp của chủ dự án đầu tư/cơ sở;
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản (chủ dự án đầu tư/cơ sở);
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên dự án;
- (5) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (6) Tên chủ dự án đầu tư;
- (7) Công văn thông báo hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- (8) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (9) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 13. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HÀNH VĂN BẢN (2) (3), ngày...tháng...năm...
 Số:/.....

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (4)

Kính gửi: (5).

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Căn cứ Công văn số (6) về việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của (4) (Dự án);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án ngày .../.../....;

Căn cứ Công văn số ... ngày .../.../... của (7) về việc hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(8) báo cáo (5) về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO ĐTM CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin chung về Dự án

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

1.3. Chủ dự án đầu tư:

1.4. Tổ chức xác nhận, chủ thể phát hành trái phiếu xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh). (nếu có)

1.5. Phạm vi, quy mô của Dự án

1.6. Công nghệ sản xuất

1.7. Các hoạt động của Dự án:

1.8. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: (Nếu có)

2. Hạng mục công trình, hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Giai đoạn vận hành:

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

b) Giai đoạn vận hành

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

b) Giai đoạn vận hành

4.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

b) Giai đoạn vận hành

4.4. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

b) Giai đoạn vận hành

4.5. Các tác động khác

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Những nội dung đạt yêu cầu trong Báo cáo ĐTM của Dự án

2. Những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa

3. Nội dung yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giai đoạn vận hành

b) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giai đoạn vận hành

c) Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giai đoạn vận hành

d) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giai đoạn vận hành

e) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

(Phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học; phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường; ...)

- Giai đoạn thi công

- Giai đoạn vận hành

3.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

V. GIẢI TRÌNH CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án đầu tư đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo ĐTM của Dự án và có Văn bản giải trình số ... ngày... của... gửi về (8);

Sau khi xem xét, (8) nhận thấy nội dung giải trình của Chủ dự án đầu tư đối với những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung tại Văn bản số (9) là phù hợp. Vì vậy, (8) nhất trí với các nội dung giải trình tại Văn bản số (7).

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả thẩm định, (8) nhận thấy hồ sơ báo cáo ĐTM của Dự án đủ điều kiện để trình phê duyệt theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Vì vậy, (8) kính đề nghị (5) xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án (*dự thảo Quyết định gửi kèm theo*)/.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(11)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (10)

(*Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số*)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp của chủ dự án đầu tư;

(2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản (chủ dự án đầu tư);

(3) Địa danh (cấp tỉnh);

(4) Tên dự án;

(5) Thủ trưởng Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(6) Ghi số công văn đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(7) Ghi số công văn hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(8) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(9) Ghi số công văn đề nghị hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án của cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

(10) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);

(11) Độ mật.

Mẫu số 14. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư

(1) _____ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Số: /..... (Địa danh cấp tỉnh), ngày...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định
báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (2)
THẨM QUYỀN BAN HÀNH (3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Theo đề nghị của (4) tại báo cáo thẩm định số ... ngày .../.../....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) (sau đây gọi là Dự án) do (5) làm chủ dự án đầu tư, thực hiện tại (6) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Điều 22 Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026.

2. (4) có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra (5) thực hiện các quy định, trách nhiệm bảo vệ môi trường của Dự án theo các nội dung đã được phê duyệt

tại Quyết định này và các trách nhiệm được quy định tại Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. (7) có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án, tổng hợp báo cáo Thủ trưởng (1) theo quy định.

4. (8) có trách nhiệm hướng dẫn chủ dự án đầu tư bố trí các hạng mục công trình và bảo đảm kinh phí để thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng (4), (7), (8), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(10)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (9)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(2)
(Kèm theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (3))

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

1.3. Chủ dự án đầu tư:

1.4. Tổ chức xác nhận, chủ thể phát hành trái phiếu xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh). (nếu có)

1.5. Quy mô, công suất

1.6. Công nghệ sản xuất (nếu có); thông tin cơ bản về sản phẩm (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg).

1.7. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; nêu rõ cả hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.8. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

1.9. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg).

Nêu lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư theo quy định tại cột số (2), thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích về môi trường theo quy định tại cột số (3) hoặc cột số (4) Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải.
- Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.
- Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải nguy hại.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.1.4. Các tác động khác (nếu có)

- Nêu rõ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Nêu rõ tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Tác động khác (nếu có).

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải.

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.
- Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải nguy hại.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.2.4. Các tác động khác (nếu có)

- Nêu rõ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Tác động khác (nếu có).

(Trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư thì nội dung dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh của phân kỳ sau phải kế thừa, cập nhật nội dung nêu trên của các phân kỳ trước đó của dự án). Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Nêu các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường theo các giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành của dự án hoặc của từng phân kỳ đầu tư (nếu có), cụ thể như sau:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.1. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: Số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện;

danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có); biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) đối với hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước)

4.4.6. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Bao gồm cả các yêu cầu phải điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường (nếu có).

Nêu các yêu cầu để đáp ứng, duy trì các tiêu chí môi trường theo quy định tại cột số (5) Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg).

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (2) Tên dự án;
- (3) Nêu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về cấp trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (4) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (5) Cơ quan chủ dự án đầu tư;
- (6) Địa điểm thực hiện dự án (xã/phường, tỉnh/thành phố);
- (7) Cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp của chủ dự án đầu tư (nếu có);
- (8) Cục Tài chính hoặc cơ quan tài chính;
- (9) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (10) Độ mật của văn bản.

Phụ lục II
CÁC MẪU BIỂU PHỤC VỤ THẨM ĐỊNH, CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ THUỘC DANH MỤC BÍ MẬT
NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG³⁶
(Ban hành kèm theo Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường
của Quân đội nhân dân Việt Nam)

Mẫu số 01. Công văn của chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở đề nghị thẩm định cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2) (3), ngày ... tháng ... năm ...

Số:/.....

V/v đề nghị thẩm định cấp/cấp điều
chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường
của dự án (4)

Kính gửi: (5).

(6), Chủ dự án dự án đầu tư /Chủ cơ sở (4) (sau đây gọi tắt là Dự án/cơ sở) thuộc số thứ tự... Phụ lục... Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026. Dự án có yêu cầu bí mật theo quy định tại Quyết định số 35/2025/QĐ-TTg ngày 11/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng (ghi cụ thể điểm, khoản, Điều).

Căn cứ quy định tại Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026, Dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (8).

Địa chỉ trụ sở chính của (6):

Địa điểm thực hiện Dự án:

³⁶ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 34/2026/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Người đại diện theo pháp luật của (6):; Chức vụ:
Điện thoại:

Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:; Chức vụ:;
Điện thoại:

(6) xin gửi đến (5) hồ sơ gồm:

- Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án (07 bản);
- Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của Dự án (*chỉ gửi trong trường hợp Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường*);
- Các hồ sơ liên quan khác, bao gồm:

(6) cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, (6) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (5) thẩm định cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của (4) (*trường hợp chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở gửi trực tiếp cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định cấp giấy phép môi trường*) hoặc Đề nghị (5) xem xét, gửi Cục Khoa học quân sự đề thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Khoa học quân sự và chủ dự án đầu tư không phải cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, gửi về cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: ...

(9)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (7)**

(*Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số*)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên dự án;
- (5) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án/cơ sở (hoặc cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng trong trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Khoa học quân sự và chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở không phải cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng)
- (6) Chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở;
- (7) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư;
- (8) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án/cơ sở;
- (9) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 02. Công văn đề nghị thẩm định của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (trường hợp chủ dự án đầu tư/cơ sở không phải là cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng).

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2) (3), ngày ... tháng ... năm ...

Số:/.....

V/v đề nghị thẩm định cấp/cấp điều
chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường
của dự án (4)

Kính gửi: Cục Khoa học quân sự.

(2) nhận được Công văn số ngày.../.../... của (5) về việc đề nghị thẩm định cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án/cơ sở (4).

Sau khi xem xét, rà soát h.... ơ, (2) nhxem xét, rà án/cơ sc2) nhxem xét, rà soát h.... ngày...u/ch2) ơ sh2) ượsh2) nhxem xét, ràườsh2) nhxnh/thành phố... thuộc số thứ tự ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Dự án/cơ sở thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định tại (6); Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định cấp giấy phép môi trường của Cục Khoa học quân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026.

(2) gửi đến Cục Khoa học quân sự hồ sơ đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường của Dự án/cơ sở gồm:

- Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án/cơ sở (07 bản);
- Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của Dự án (*chỉ gửi trong trường hợp Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường*);
- Các hồ sơ liên quan khác, bao gồm:

Đề nghị Cục Khoa học quân sự tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường của (4).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(8)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (7)**
(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)
Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng ban hành văn bản;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên dự án/cơ sở;
- (5) Tên cơ quan, đơn vị là Chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở;
- (6) Ghi rõ căn cứ xác định Dự án thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng;
- (7) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (8) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 03. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2) (4), ngày ... tháng ... năm ...
Số:/QĐ- (3)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường dự án
(5)

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số ... ngày... /.../... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (7);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Căn cứ (8);

Theo đề nghị của (9).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường dự án (5) do (10) làm chủ dự án đầu tư. Chỉ định và mời các đồng chí tham gia Hội đồng:

(11)

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đề tư vấn cho (7) cấp giấy phép môi trường theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ và tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng làm việc theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Hội đồng, các thành viên trong Hội đồng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ...;
 - Chủ tịch và thành viên HĐ (7b);
 - Lưu: ...
- (13)**

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (12)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản;
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định;
- (4) Địa danh (cấp tỉnh);
- (5) Tên dự án;
- (6) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền;
- (7) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường;
- (8) Ghi căn cứ công văn đề nghị thẩm định, cấp giấy phép môi trường (căn cứ Công văn số... ngày... của... về việc...);
- (9) Cấp trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp đề nghị;
- (10) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư;
- (11) Ghi danh sách thành viên hội đồng (cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong hội đồng; ví dụ: Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn A, Phó Viện trưởng Viện B: Ủy viên phản biện 1);
- (12) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (13) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 04. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HÀNH VĂN BẢN (2) (4), ngày ... tháng ... năm ...
 Số: /QĐ- (3)

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Đoàn kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường của (5)

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số /TT-BQP ngày... /.../ ... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (7);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày... /.../ ... của (8) về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (5) (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường);

Căn cứ Giấy phép môi trường số ... ngày... /.../ ... của (9) (đối với trường hợp cấp lại giấy phép môi trường);

Căn cứ (10);

Theo đề nghị của (11).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường dự án/cơ sở (5) do (12) làm chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở. Chỉ định và mời các đồng chí tham gia Đoàn kiểm tra:

(13)

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra thực tế, tổ chức thực hiện quan trắc chất thải theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra trong quá trình cấp/ cấp lại giấy phép môi trường của (5). Đoàn kiểm tra

tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí hoạt động của Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm tra, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ...;
- Thành viên đoàn kiểm tra (7b);
- Lưu: ...

(15)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (14)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản;
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định;
- (4) Địa danh (cấp tỉnh);
- (5) Tên dự án/cơ sở;
- (6) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền;
- (7) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường;
- (8) Cơ quan ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (5)
- (9) Cơ quan cấp giấy phép môi trường;
- (10) Ghi căn cứ công văn đề nghị thẩm định, cấp giấy phép môi trường (căn cứ Công văn số... ngày.../.../... của... về việc...);
- (11) Cấp trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp đề nghị;
- (12) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư;
- (13) Ghi danh sách Đoàn kiểm tra (cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong hội đồng; ví dụ: Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn A, Phó Viện trưởng Viện B: Ủy viên phân biệt 1);
- (14) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (15) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 05. Quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư công đặc biệt

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HÀNH VĂN BẢN (2)
 Số:/QĐ- (3) (4), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án (5)

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số .../TT-BQP ngày.../.../... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (7);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 03/7/2025 và Thông tư số 43/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026;

Căn cứ (8);

Xét Văn bản số ... ngày .../.../... của ... về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án (5);

Theo đề nghị của (9).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chỉ định và mời các đồng chí có tên sau đây vào danh sách chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án (5):

(10)

Điều 2. Chuyên gia được lấy ý kiến có nhiệm vụ xem xét, thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án (5), chịu trách nhiệm trước (6) và trước pháp luật về những nhận xét đối với báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án.

Điều 3. Chi phí hoạt động lấy ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án (5) được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. (9), (11) và các chuyên gia có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- (9);
- ...;
- Lưu: ...

(13)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (12)**

(*Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số*)
Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản;
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định;
- (4) Địa danh (cấp tỉnh);
- (5) Tên dự án;
- (6) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền;
- (7) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường;
- (8) Ghi căn cứ công văn đề nghị thẩm định, cấp giấy phép môi trường (căn cứ Công văn số... ngày... của... về việc...);
- (9) Cấp trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp đề nghị;
- (10) Ghi danh sách chuyên gia (cấp bậc, học hàm, học vị, họ và tên, chức vụ, nơi công tác, chức danh trong hội đồng; ví dụ: Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn A, Phó Viện trưởng Viện B);
- (11) Chức danh của Thủ trưởng cơ quan được giao tổ chức thẩm định
- (12) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (13) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 06. Biên bản họp Hội đồng thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh cấp tỉnh), ngày... tháng.... năm...

BIÊN BẢN

Phiên họp Hội đồng thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường
Dự án ...

Tên dự án đầu tư: ... (sau đây gọi là Dự án)

Chủ dự án đầu tư:

Quyết định thành lập Hội đồng: Số .../QĐ-... ngày .../.../... của

Thời gian họp:

Địa điểm:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ PHIÊN HỌP

1. Hội đồng thẩm định

(Ghi danh sách thành viên Hội đồng)

- Hội đồng có mặt: .../... đồng chí, vắng (đ/c... Lý do:...), đủ điều kiện tiến hành phiên họp.

2. Đại diện chủ dự án đầu tư

(Ghi rõ cấp bậc, họ và tên, chức vụ của tất cả các thành viên của chủ dự án đầu tư tham dự họp)

3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

(Ghi rõ cấp bậc, họ tên, họ vị và chức vụ của đại diện đơn vị tư vấn tham dự họp).

4. Đại biểu tham dự (nếu có):

II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN PHIÊN HỌP

1. Công tác tổ chức

- Đồng chí..... - Thư ký Hội đồng thông báo lý do phiên họp, giới thiệu thành phần tham dự, đọc quyết định thành lập Hội đồng;

- Đồng chí..... - Chủ tịch Hội đồng thống nhất chương trình và điều hành phiên họp.

2. Chủ dự án đầu tư và đơn vị tư vấn trình bày nội dung báo cáo

- Đồng chí... - Đại diện chủ dự án đầu tư nhất trí với chương trình họp của Hội đồng và ủy quyền cho Đơn vị tư vấn trình bày các nội dung của Dự án.

- Đồng chí... - Đại diện đơn vị tư vấn trình bày tóm tắt nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (GPMT) của Dự án.

3. Các thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến về các vấn đề, gồm:

(Ghi tóm tắt các vấn đề phát biểu ý kiến của các thành viên Hội đồng)

4. Trả lời các câu hỏi của Hội đồng

Đồng chí, đại diện chủ dự án đầu tư và Đồng chí đại diện đơn vị tư vấn (nếu có) trả lời một số câu hỏi của Thành viên Hội đồng đối với báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án:

(Ghi các nội dung trả lời của chủ dự án đầu tư, đơn vị tư vấn)

III. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

Kết luận của Hội đồng được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, trong đó tóm tắt ngắn gọn những nội dung đạt yêu cầu của báo cáo, những nội dung của báo cáo phải được chỉnh sửa, bổ sung theo từng chương, mục của báo cáo đề xuất cấp/ cấp lại giấy phép môi trường.

1. Những nội dung đạt yêu cầu

(Ghi những nội dung đạt yêu cầu so với các nội dung quy định của từng chương, mục trong báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường)

2. Những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa

(Ghi những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung so với nội dung quy định của từng chương, mục trong báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường)

3. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng thẩm định (nếu có):

IV. Ý KIẾN CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỀ KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

(Ghi ý kiến của chủ dự án đầu tư về kết luận của Hội đồng)

V. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU THẨM ĐỊNH

1. Kết quả kiểm phiếu

- Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung: .../....
- Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: .../....
- Số phiếu đánh giá không thông qua báo cáo: .../....

2. Kết quả thẩm định

Ghi một trong các trường hợp sau: Hội đồng nhất trí thông qua Báo cáo đề xuất cấp GPMT; Hội đồng nhất trí thông qua Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án với điều kiện phải chỉnh sửa theo các vấn đề tại Mục III.2. Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đủ điều kiện trình Thủ trưởng (1) cấp GPMT sau khi chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện; Hội đồng nhất trí không thông qua báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG

Trên cơ sở kết quả thẩm định tại Mục V.2, Hội đồng lựa chọn ghi theo 01 trong 03 trường hợp sau:

Trường hợp 1: Hội đồng nhất trí thông qua báo cáo (không cần chỉnh sửa, bổ sung)

Hội đồng đề nghị (1) xem xét, quyết định cấp Giấy phép môi trường cho Dự án (2)

Trường hợp 2: Hội đồng nhất trí thông qua báo cáo đề xuất cấp GPMT với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung

1. Hội đồng đề nghị chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung các nội dung theo ý kiến của Hội đồng tại Mục III.2, III.3.

2. Hội đồng kiến nghị (1) xem xét, cấp Giấy phép môi trường cho Dự án (2) sau khi chủ đầu tư hoàn thiện các nội dung theo ý kiến của Hội đồng tại Mục III.2, III.3.

Trường hợp 3: Hội đồng nhất trí không thông qua báo cáo đề xuất cấp GPMT

1. Hội đồng đề nghị chủ dự án đầu tư lập lại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định.

2. Hội đồng kiến nghị (1) xem xét, thông báo kết quả thẩm định cho chủ dự án đầu tư.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi họ tên)

Nơi nhận:

-
- Lưu:

(3)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường
- (2) Tên dự án
- (3) Độ mật của văn bản

Mẫu số 07. Biên bản kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh cấp tỉnh), ngày... tháng.... năm....

BIÊN BẢN

Kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường (2)

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số... ngày.../... /... của (1) tiến hành kiểm tra thực tế, cụ thể như sau:

- Chủ dự án đầu tư/cơ sở:
- Thời gian: Từ ... giờ ... ngày ... /.../...
- Địa điểm: *(Ghi rõ địa điểm dự án đầu tư/cơ sở được kiểm tra).*

I. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

1. Thành viên Đoàn kiểm tra

(Ghi danh sách thành viên Đoàn kiểm tra)

- Đoàn kiểm tra có mặt:/... đồng chí, vắng (đ/c... Lý do:...), đủ điều kiện tiến hành kiểm tra.

2. Đại diện chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở

(Ghi rõ cấp bậc, họ và tên, chức vụ của tất cả các thành viên của chủ dự án đầu tư/cơ sở tham dự họp)

3. Đơn vị tư vấn:

(Ghi rõ cấp bậc, họ tên, học vị và chức vụ của đại diện đơn vị tư vấn tham dự họp).

4. Đại biểu tham dự (nếu có):

II. THÔNG TIN VỀ CHUNG VỀ DỰ ÁN, CƠ SỞ

1. Các hạng mục dây chuyền sản xuất của dự án đầu tư/cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt

Loại hình hoạt động, quy mô, công suất.

2. Công trình xử lý nước thải

Số lượng, quy mô, công suất.

3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Số lượng, quy mô, công suất.

4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính của cơ sở.

5. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Số lượng, quy mô, diện tích.

6. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Số lượng, quy mô, diện tích.

7. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải (nếu có)

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

8. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)**9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)**

Thuộc hay không thuộc đối tượng phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. Các nội dung đề nghị cấp phép của chủ dự án đầu tư/cơ sở: *Nước thải/khí thải/tiếng ồn độ rung/dịch vụ xử lý chất thải nguy hại/nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài về làm nguyên liệu sản xuất.*

11. Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh *(đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh).*

III. Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA ĐOÀN KIỂM TRA: *Ghi ý kiến của các thành viên tham gia buổi kiểm tra.*

IV. KẾT LUẬN CỦA TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA (HOẶC PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA KHI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

Trưởng đoàn kiểm tra (hoặc Phó đoàn kiểm tra khi được ủy quyền) đưa ra kết luận (được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên Đoàn kiểm tra, trong đó tóm tắt ngắn gọn những nội dung đạt yêu cầu, những nội dung cần phải được chỉnh sửa, bổ sung hoặc cải tạo trên thực tế). Trong đó, nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc đồng ý có chỉnh sửa bổ sung hoặc không đồng ý kiến nghị (3) cấp/cấp lại giấy phép môi trường.

- Trường hợp không đủ điều kiện cấp/cấp lại giấy phép môi trường cho dự án đầu tư/cơ sở thì nêu rõ lý do).

- Trường hợp đồng ý kiến nghị (3) cấp/cấp lại giấy phép môi trường với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ thì nêu rõ các nội dung cần chỉnh sửa, hoàn thiện.

V. Ý KIẾN CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ

Biên bản được lập vào hồi ... giờ ... ngày ... / ... / ... tại..., đã được đọc cho

những người tham dự cùng nghe và thống nhất nội dung. Biên bản được lập thành ... bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ... bản, chủ dự án đầu tư/cơ sở giữ... bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ/CHỦ CƠ SỞ**
(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

**THỦ KÝ
ĐOÀN KIỂM TRA**
(Chữ ký/chữ ký số)

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN**
(hoặc Phó trưởng Đoàn
kiểm tra khi được ủy quyền)
(chữ ký/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Cấp bậc, họ và tên

Cấp bậc, họ và tên

Nơi nhận:

-

- Lưu:

(4)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan ban hành Quyết định kiểm tra;
- (2) Tên dự án đầu tư/cơ sở;
- (3) Cơ quan cấp giấy phép môi trường;
- (4) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 08. Bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (hoặc chuyên gia đối với dự án đầu tư công đặc biệt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của
thành viên Hội đồng (hoặc chuyên gia) thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét:

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:

3. Nơi công tác: *(Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail):*

4. Tên dự án đầu tư:

5. Chủ dự án đầu tư:

6. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu. Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)

6.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):.....

.....

6.2. Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.3. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.4. Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; các tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường do chất thải gây ra

a) Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Nước thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

- Khí thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

- Chất thải rắn thông thường

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

- Chất thải nguy hại

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

b) Đánh giá, dự báo các rủi ro, sự cố môi trường không do chất thải gây ra

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.5. Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi).

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.6. Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.7. Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường

a) Phương án thu gom, quản lý chất thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

b) Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

c) Biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

d) Phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

e) Phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

g) Các biện pháp giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, môi trường tiếp nhận nước thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

h) Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.8. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có) Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.9. Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.10. Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt...)

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.11. Nội dung đề nghị cấp phép môi trường

- Nước thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

- Khí thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

- Tiếng ồn, độ rung

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt

yêu cầu):
.....
.....

- Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):
.....
.....

- Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):
.....
.....

- Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):
.....
.....

- Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):
.....
.....

6.12. Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng

- Đối với nước thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):
.....
.....

- Đối với khí thải

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

- Giám sát khác

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

6.13. Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh)

a) Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

b) Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

Đạt yêu cầu Cần hoàn thiện Không đạt yêu cầu

Lý do (trường hợp đánh dấu X vào mức cần hoàn thiện hoặc không đạt yêu cầu):

.....

7. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo):

8. Những nhận xét khác:

8.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):

8.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

8.3. Câu hỏi (nếu có):

9. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

10. Kết luận (nêu rõ 01 trong 03 mức độ)

Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung

.....

Không thông qua. Lý do:

Nơi nhận:

- (01b).

(1)

....., ngày... tháng ... năm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(HOẶC CHUYÊN GIA)

(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú:

(1) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 09. Phiếu thẩm định của thành viên hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(đóng dấu treo của cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được giao tổ chức cấp phép)

(3), ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

1. **Họ và tên:**
2. **Nơi công tác:** *(tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail)*
3. **Lĩnh vực chuyên môn:** *(chỉ ghi tối đa hai (02) lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm nhất và liên quan đến lĩnh vực môi trường hoặc lĩnh vực hoạt động của dự án)*
4. **Chức danh trong Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định:**
5. **Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định:** Số ... ngày ... / ... / ... của ...
6. **Tên dự án đầu tư:**
7. **Chủ dự án đầu tư:**
8. **Ý kiến thẩm định đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư (lựa chọn bằng cách ký tên vào 01 trong 03 mức: 8.1; 8.2 hoặc 8.3 sau đây):**
 - 8.1. Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:
 - 8.2. Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:
 - 8.3. Không thông qua:
9. **Kiến nghị:** *(đối với chủ dự án đầu tư, cơ quan cấp phép và cơ quan phê duyệt dự án (nếu có))*

(3), ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI VIẾT PHIẾU THẨM ĐỊNH

(Chữ ký)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan chủ quản của cơ quan cấp phép/cơ quan được giao tổ chức cấp phép
- (2) Cơ quan cấp phép/cơ quan được giao tổ chức cấp phép
- (3) Địa danh (cấp tỉnh)

Mẫu số 10. Bản nhận xét của thành viên Đoàn kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
của Thành viên Đoàn kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường

1. Họ và tên người nhận xét:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác: *(Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail):*
4. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra: Số .../QĐ... ngày.../.../... của ...
5. Chức danh trong Đoàn kiểm tra:
6. Tên dự án đầu tư/cơ sở: ...
7. Chủ dự án đầu tư/cơ sở: ...

A. NHẬN XÉT

I. VỀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Nhận xét ngắn gọn về sự đầy đủ của các thông tin cung cấp trong báo cáo, sự phù hợp của nội dung báo cáo.

- Nhận xét về nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh).

II. VỀ KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Hạng mục dây chuyền sản xuất của dự án đầu tư/cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt

Nhận xét (nếu có) về loại hình hoạt động, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án đầu tư/cơ sở; các dây chuyền sản xuất chính; hạng mục phụ trợ của dự án đầu tư/cơ sở; hạng mục kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có).

2. Công trình xử lý nước thải:

Nhận xét về số lượng, quy mô, công suất, quy trình công nghệ của từng công trình xử lý nước thải; vị trí xả nước thải ra môi trường tiếp nhận; môi trường tiếp nhận nước thải; tên công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải (nếu có) và cơ quan quản

lý công trình thủy lợi; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có) nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; những thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần, giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có).

3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Nhận xét về số lượng, quy mô, công suất, quy trình công nghệ của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có) nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; những thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần, giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có).

4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nhận xét về nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính của dự án đầu tư/cơ sở.

5. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Nhận xét về các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có).

6. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Nhận xét về các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có).

Lưu ý: Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại nêu tại mục này là công trình, thiết bị để tự xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án đầu tư/cơ sở (không thuộc trường hợp dự án đầu tư/cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại).

7. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)

Nhận xét về các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có); biện pháp, quy trình vận hành công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

8. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Nhận xét về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Nhận xét về kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có) đối với dự án đầu tư/cơ sở khai thác khoáng sản, dự án đầu tư/cơ sở có bãi chôn lấp chất thải hoặc dự án đầu tư/cơ sở gây tổn thất đa dạng sinh học.

10. Các nội dung đề nghị cấp phép môi trường

Nhận xét về các nội dung đề nghị cấp/cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư/cơ sở. Trường hợp có thay đổi nội dung cấp phép (cấp lại) thì nêu rõ nội dung thay đổi.

11. Các nhận xét khác (nếu có)

(Ghi chú: Có thể tích hợp các nội dung nhận xét từ Mục 1 đến Mục 10 thành một mục nhận xét chung).

B. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

- Đưa ra kết luận, nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc đồng ý có chỉnh sửa bổ sung hoặc không đồng ý kiến nghị cấp/cấp lại giấy phép môi trường, xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg). Trường hợp không đồng ý cấp/cấp lại giấy phép môi trường, xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg) cho dự án đầu tư/cơ sở thì nêu rõ lý do.

- Các kiến nghị khác (nếu có).

Nơi nhận:

- (01b).

(1)

Ghi chú:

(1) Độ mật

....., ngày... tháng ... năm

NGƯỜI VIẾT BẢN NHẬN XÉT

(Chữ ký)

Họ và tên

Mẫu số 11. Công văn thông báo hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư/cơ sở (Trường hợp hội đồng/Đoàn kiểm tra thông qua báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường với điều kiện phải chỉnh sửa bổ sung)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HÀNH VĂN BẢN (2)

(3), ngày ... tháng ... năm ...

Số:

V/v hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp/cấp
điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi
trường của chủ dự án đầu tư/cơ sở

Kính gửi: (4).

(2) nhận được Công văn số..... ngày.../.../... của (4) (hoặc (5)) về việc đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (GPMT) của (6) do (4) làm chủ dự án đầu tư.

(2) đã tổ chức Hội đồng thẩm định cấp GPMT của Dự án (hoặc Đoàn kiểm tra) vào ngày .../.../.... Hội đồng (hoặc Đoàn kiểm tra) đã nhất trí thông qua nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án với điều kiện phải chỉnh sửa một số nội dung để bảo đảm yêu cầu theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định (hoặc Đoàn kiểm tra) và các văn bản quy định, (2) thông báo đề chủ dự án đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ của Dự án theo những vấn đề như sau:

1. Rà soát, bổ sung vào Chương I của Báo cáo đề xuất cấp GPMT:
2. Rà soát, bổ sung vào Chương II của Báo cáo đề xuất cấp GPMT:
3.

(Nêu các nội dung đề nghị (4) chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình để hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án)

Chủ dự án đầu tư/cơ sở hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án, gửi Hồ sơ về (6) để làm căn cứ cấp GPMT theo quy định, gồm: i) Công văn của chủ dự án đầu tư giải trình những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung; ii) Một (01) cuốn Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án (kèm theo file Báo cáo ở dạng word và pdf).

(2) gửi ý kiến thẩm định đề chủ dự án đầu tư thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(8)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (7)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư/cơ sở;
- (5) Tên cơ quan cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, là cơ quan chủ quản của chủ dự án đầu tư/cơ sở;
- (6) Tên dự án/cơ sở
- (7) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (8) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 12. Công văn thông báo trả hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư/cơ sở.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HÀNH VĂN BẢN (2) (3), ngày ... tháng ... năm ...

Số:

V/v trả hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư/cơ sở

Kính gửi: (4).

(2) nhận được Công văn số..... ngày.../.../... của (4) (hoặc (5)) về việc đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (GPMT) của (6) do (4) làm chủ dự án đầu tư.

(2) đã tổ chức Hội đồng (hoặc Đoàn kiểm tra) thẩm định cấp GPMT của Dự án vào ngày.../.../.... Hội đồng (hoặc Đoàn kiểm tra) đã nhất trí không thông qua báo cáo đề xuất cấp GPMT. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định (hoặc Đoàn kiểm tra) và các văn bản quy định, (2) trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của (6). Lý do: *(nếu rõ lý do)*.

(2) gửi ý kiến thẩm định để chủ dự án đầu tư thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(8)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (7)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường;
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư/cơ sở;
- (5) Tên cơ quan cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, là cơ quan chủ quản của chủ dự án đầu tư/cơ sở;
- (6) Tên dự án/cơ sở
- (7) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (8) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 13. Công văn giải trình nội dung chỉnh sửa, hoàn chỉnh và đề nghị cấp giấy phép môi trường

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN (2) (3), ngày ... tháng ... năm ...

Số:/.....

V/v giải trình và đề nghị cấp giấy
 phép môi trường dự án (4)

Kính gửi: (5).

(6) nhận được Công văn (7) về việc thông báo hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư/cơ sở.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, (6) trân trọng gửi đến (5) hồ sơ gồm:

1. Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của (4) đã được bổ sung, chỉnh sửa; kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục (nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục được (6) ký số (nếu nộp trực tuyến);

(6) ký vào phía dưới của từng trang (hoặc đóng giáp lai) kê cả phụ lục.

2. Chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung theo Công văn (7) (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

(6) cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, (6) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (5) xem xét cấp giấy phép môi trường của dự án (4).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(9)

**QUYÊN HẠN, CHỨC VỤ
 CỦA NGƯỜI KÝ (8)**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Phụ lục

**NỘI DUNG CHỈNH SỬA, BỔ SUNG, GIẢI TRÌNH THEO NỘI DUNG
TẠI CÔNG VĂN SỐ (7)**

(Kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (1))

STT	Nội dung đề nghị chỉnh sửa, bổ sung theo Công văn số... ngày.../.../... của.... (7)	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung tại mục/trang của báo cáo
I	MỞ ĐẦU		
1	
2	
II	CHƯƠNG I		
1		
2		
III		
....			
....			

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp của chủ dự án đầu tư/cơ sở;
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành văn bản (chủ dự án đầu tư/cơ sở);
- (3) Địa danh (cấp tỉnh);
- (4) Tên dự án;
- (5) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường;
- (6) Tên chủ dự án đầu tư;
- (7) Công văn thông báo hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư/cơ sở.
- (8) Ghi ngắn gọn quyền hạn, chức vụ của người ký (theo Quy chế công tác văn thư);
- (9) Độ mật của văn bản.

Mẫu số 14. Mẫu giấy phép môi trường**TÊN CƠ QUAN
CẤP PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GPMT-

(Địa danh cấp tỉnh), ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số ngày của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (1);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 06/7/2025, Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026.

Căn cứ các Công văn: số ... ngày .../.../... của về việc ...; số ... ngày .../.../... của về việc ...; (Ghi Công văn đề nghị cấp giấy phép môi trường và Công văn hoàn chỉnh hồ sơ cấp giấy phép môi trường)

Theo đề nghị của (2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho (Tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở), địa chỉ phường/xã..., tỉnh/thành phố... được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án ... (tên dự án) ... với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về dự án

a) Tên dự án:

b) Chủ dự án đầu tư:

c) Địa điểm thực hiện dự án: Phường ..., tỉnh ...

d) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (đối với dự án đầu tư khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần ghi rõ các ngành, nghề được thu hút đầu tư).

đ) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ

môi trường quy định tại Phụ lục I kèm theo Giấy phép này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II kèm theo Giấy phép này.

c) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Được phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

đ) Được phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

e) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường khác quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh)

Xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh và yêu cầu kèm theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ dự án đầu tư

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

3. Có trách nhiệm vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

4. Có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: năm (*kể từ ngày ký Giấy phép môi trường*).

Điều 4. Giao (3) chủ trì, phối hợp với (4) tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

- Chủ dự án, cơ sở;
- Cơ quan chủ quản (để theo dõi);
- Lưu:

(*ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

(5)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường;
- (2) Cấp trưởng cơ quan, đơn vị được giao tham mưu việc giấy phép môi trường;
- (3) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn tham mưu việc cấp phép môi trường;
- (4) Cơ quan chủ quản của chủ dự án đầu tư (nếu có);
- (5) Độ mật.

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(*Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1)*)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải (*nêu từng nguồn phát sinh nước thải tại dự án, cơ sở: sinh hoạt, sản xuất...*)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải (*trường hợp có từ 02 dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận trở lên, các dòng nước thải tiếp theo được mô tả tương tự dòng nước thải thứ nhất*)

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ tên, vị trí hành chính (*thôn, ấp/tổ, khu phố; xã/phường; tỉnh/thành phố*) của sông, suối, kênh, rạch, vùng biển, hồ, đầm, ao nơi dòng nước thải xả vào.

2.2. Vị trí xả nước thải (*nêu rõ vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận*)

- Thôn, ấp/tổ, khu phố.....xã/phường, tỉnh/thành phố.....

- Tọa độ vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục..., múi chiều...*).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:..... m³/ngày đêm m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải (*ghi rõ hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa dòng,...*).

2.5. Chế độ xả nước thải (ghi rõ xả nước thải là liên tục (24 giờ) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1					
2					
...					

(Trường hợp có đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần ghi rõ đã có hợp đồng/văn bản thỏa thuận xử lý nước thải) và không phải ghi chi tiết các nội dung tại mục 1, 2).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (*trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất*)

- Tóm tắt quy trình công nghệ.
- Công suất thiết kế.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (*nếu có*) (*trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất*)

- Số lượng.
- Vị trí lắp đặt.
- Thông số lắp đặt.
- Thiết bị lấy mẫu tự động.
- Camera theo dõi.
- Kết nối, truyền số liệu.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có)

(Trường hợp có đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần bổ sung thông tin về vị trí, số lượng điểm đầu nối).

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp)

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm (nếu thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm)

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (ghi rõ khoảng thời gian)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi (nếu có)

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1))

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải (nêu từng nguồn phát sinh bụi, khí thải tại dự án, cơ sở)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (trường hợp có từ 02 dòng khí thải xả vào môi trường không khí trở lên, các dòng khí thải tiếp theo được mô tả tương tự dòng khí thải thứ nhất)

2.1. Vị trí xả khí thải (*nêu rõ vị trí tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục..., múi chiều....*).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:..... m³/ngày (24 giờ) m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải (ghi rõ xả khí thải là liên tục (24 giờ) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (*ghi tên quy chuẩn áp dụng*), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1					
2					
...					

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải (*trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất*)

- Tóm tắt quy trình công nghệ.

- Công suất thiết kế.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (*nếu có*) (*trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất*)

- Số lượng.

- Vị trí lắp đặt.

- Thông số lắp đặt.

- Camera theo dõi.

- Kết nối, truyền số liệu.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có)

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm (nếu thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm)

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (ghi rõ khoảng thời gian)

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Phụ lục III

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1))

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung (nêu từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án, cơ sở: Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất)

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1				Khu vực đặc biệt
2				Khu vực thông thường
...				

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1				<i>Khu vực đặc biệt</i>
2				<i>Khu vực thông thường</i>
...				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (*nếu có*)2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (*nếu có*)**Phụ lục IV****NỘI DUNG CẤP PHÉP THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1))***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI****1. Công trình, hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý, tái chế chất thải nguy hại**

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1
...

2. Danh mục mã chất thải nguy hại và khối lượng

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Phương pháp xử lý	Khối lượng (kg/năm)
1
...

Ghi chú: Đối với bãi chôn lấp hoặc bể đóng kén thì tính theo thể tích của bãi chôn lấp hoặc bể đóng kén (thay vì ghi khối lượng)

3. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại:

TT	Tên trạm trung chuyển	Địa điểm
1
...

4. Địa bàn hoạt động:

TT	Vùng	Tỉnh
1
...

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**1. Yêu cầu đối với thiết bị, kho, khu vực lưu giữ, trạm trung chuyển chất thải nguy hại:**

1.2. Kho/khu lưu chứa chất thải trong nhà (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất*)

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà.

1.3. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại (*trường hợp có từ 02 trạm trung chuyển trở lên, các trạm trung chuyển tiếp theo được mô tả tương tự trạm trung chuyển thứ nhất*):

- Diện tích trạm trung chuyển.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa chất thải tại trạm trung chuyển.

- Chất thải phát sinh (nếu có) và biện pháp quản lý.

2. Hệ thống, công trình, thiết bị sơ chế, tái chế, xử lý chất thải nguy hại (*trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống thứ nhất*)

- Tóm tắt quy trình công nghệ sơ chế, tái chế, xử lý chất thải nguy hại (*trường hợp hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại đã được mô tả trong giấy phép thì trích dẫn đến đề mục đã mô tả và không cần mô tả lại*).

- Công suất thiết kế (tấn/năm).

- Sản phẩm sau sơ chế, tái chế, xử lý (nếu có) (chỉ ghi sản phẩm, không ghi chất thải).

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (*nếu có*)

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (*nếu có*)

Phụ lục V**NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1))***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU**Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu¹

TT	Tên phế liệu nhập khẩu	Mã HS	Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu (tấn/năm)
1	Tổng khối lượng theo nhóm phế liệu có chung mã HS 04 số (sắt thép; nhựa; giấy; thủy tinh; từng kim loại màu).
...	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT:

1. Hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu (trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất)

- Loại phế liệu sử dụng.
- Tóm tắt quy trình công nghệ trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu.
- Công suất thiết kế (tấn/năm).
- Hệ số hao hụt.
- Sản phẩm (tấn/năm).

2. Biện pháp, phương án xử lý các tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu

2.1. Hệ thống, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu (nếu có) (trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý tạp chất (trường hợp công nghệ xử lý tạp chất đã được mô tả trong giấy phép thì trích dẫn đến đề mục đã mô tả và không cần mô tả lại).

- Công suất thiết kế (tấn/năm).

2.2. Phương án chuyển giao, xử lý các tạp chất: Phải ký hợp đồng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu đối với kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu (trường hợp có từ 02 kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu trở lên, các kho lưu giữ tiếp theo được mô tả tương tự kho lưu giữ thứ nhất)

- Diện tích kho lưu giữ.
- Thiết kế, cấu tạo của kho.

¹ Lưu ý: khối lượng không vượt quá 80% nhu cầu sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo công suất thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Vật liệu làm tường và vách ngăn.
- Biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.
- Hệ thống thu gom nước mưa.
- Hệ thống thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh.
- Khả năng lưu giữ tối đa (tần).

4. Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu (trường hợp có từ 02 bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu trở lên, các bãi lưu giữ tiếp theo được mô tả tương tự bãi lưu giữ thứ nhất)

- Diện tích bãi lưu giữ.
- Thiết kế, cấu tạo của bãi.
- Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi phế liệu.
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.
- Khả năng lưu giữ tối đa (tần).

5. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

5.1. Chỉ được phép nhập khẩu khối lượng phế liệu đảm bảo sức chứa của kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; chỉ được sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại dự án, cơ sở của mình; nhập khẩu đúng chủng loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu quy định trong Giấy phép môi trường này.

5.2. Phế liệu nhập khẩu phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

5.3. Phải tái xuất đối với những lô hàng phế liệu nhập khẩu không đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Trường hợp không thể tái xuất, phải thỏa thuận với đơn vị có đủ năng lực để xử lý, tiêu hủy chất thải, phế liệu vi phạm theo quy định pháp luật.

5.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

5.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Phụ lục VI

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1))

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên (ghi rõ chủng loại, tổng khối lượng dự kiến phát sinh theo năm).

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (chỉ ghi dự kiến tổng số lượng phát sinh theo năm).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (*chỉ ghi dự kiến tổng số lượng phát sinh theo năm*).

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát (*ghi rõ chủng loại, tổng khối lượng dự kiến phát sinh theo năm*).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất*).

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất*).

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Kho/khu vực lưu chứa (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho/khu vực lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho lưu chứa thứ nhất*).

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải (nếu có, bao gồm tự xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm)

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, công trình, thiết bị thứ nhất)

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.

- Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng (tấn/năm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.

- Công suất thiết kế (tấn/năm).

- Sản phẩm tái chế (nếu có).

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt (trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, công trình, thiết bị thứ nhất)

- Loại chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.

- Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng (tấn/năm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.
- Công suất thiết kế (tấn/năm).
- Sản phẩm tái chế (nếu có).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(nếu có)

Ghi rõ các yêu cầu phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải phải thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

Phụ lục VII

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1))

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG (nếu có)

Ghi rõ các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường, kinh phí, thời gian thực hiện.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC (nếu có)

Ghi rõ các nội dung bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Ghi rõ các các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường (bao gồm cả giai đoạn thi công và vận hành) đã được phê duyệt trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường mà chủ dự án đầu tư, cơ sở tiếp tục thực hiện.

Trường hợp, thay đổi hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện nhưng không thuộc trường hợp phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, cơ quan cấp phép xem xét và ghi rõ hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau khi được chấp thuận thay đổi để chủ dự án đầu tư, cơ sở tiếp tục thực hiện theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (nếu có)

- Ghi rõ các yêu cầu liên quan đến quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường và các nội dung quản lý môi trường khác (nếu có).

- Ghi rõ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác mà chủ dự án/cơ sở phải tiếp tục thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

Phụ lục VIII**XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT- ...ngày .../.../ ... của (1))**A. NỘI DUNG XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

1. Tên chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh.
2. Phạm vi, quy mô hoạt động của dự án đầu tư.
3. Tóm tắt công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thông tin cơ bản về sản phẩm của dự án đầu tư.
4. Nội dung xác nhận đã đáp ứng các tiêu chí môi trường

Nêu lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư theo quy định tại cột số 2, thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích (về môi trường theo quy định tại cột số 3 hoặc cột số 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

5. Các yêu cầu để đáp ứng, duy trì các tiêu chí môi trường.
6. Nội dung khác (nếu có).

B. CÁC YÊU CẦU KHÁC

Các yêu cầu, điều kiện khác kèm theo (nếu có).

Mẫu số 15. Giấy phép môi trường điều chỉnh

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP (1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT- (Địa danh cấp tỉnh), ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần...)

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số .../TT-BQP ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của (1);

Căn cứ Điều lệ Công tác bảo vệ môi trường của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BQP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-BQP ngày 06/7/2025, Thông tư số 34/2026/TT-BQP ngày 23/4/2026.

Căn cứ các Công văn: số ... ngày .../.../... của về việc ...; số ... ngày .../.../... của về việc ...; (Ghi Công văn đề nghị cấp giấy phép môi trường và Công văn hoàn chỉnh hồ sơ cấp giấy phép môi trường)

Theo đề nghị của (2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số... của (tên cơ quan, đơn vị là chủ dự án đầu tư/cơ sở), có địa chỉ tại phường/xã..., tỉnh/thành phố..., chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần...) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số ...

Điều 2. (Tên cơ quan, đơn vị được cấp giấy phép) tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số ... và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần ...) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần ...) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số ... hết hiệu lực./.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
 NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Chủ dự án đầu tư/chủ cơ sở;
- Cơ quan chủ quản (để theo dõi);
- Lưu:

(3)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường
- (2) Cấp trường cơ quan, đơn vị được giao tham mưu việc giấy phép môi trường;
- (3) Độ mật.

Phụ lục**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần ...)
số.../GPMT- ngày .../.../... của ...)*

(Chỉ ghi những nội dung điều chỉnh)

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép về thông tin chung của dự án đầu tư, cơ sở.
2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải (nếu có).
3. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải (nếu có).
4. Điều chỉnh về bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường (nếu có).
5. Điều chỉnh nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu về bảo vệ môi trường (nếu có).
6. Điều chỉnh nội dung cấp phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và yêu cầu bảo vệ môi trường (nếu có).
7. Điều chỉnh về yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có).
8. Các điều chỉnh khác (nếu có).
9. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo (nếu có) đối với nội dung điều chỉnh.